

đã kết nạp được 994 đảng viên, cao nhất so với những năm trước đó, nâng số đảng viên trong toàn Đảng bộ lên 35.858 đồng chí.

Chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên được nâng lên. Số tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh ngày càng tăng, từ 77% năm 1998, lên 82,28% năm 2000, vượt chỉ tiêu Đại hội đề ra. Chỉ còn 5 tổ chức cơ sở đảng yếu, kém chiếm 1,26%. Bình quân trong 3 năm (1998-2000), số đảng viên đủ tư cách đạt 78,7%, số đủ tư cách nhưng còn hạn chế từng mặt là 19,9%, số đảng viên vi phạm và không đủ tư cách còn 1,4%.

Hoạt động của Ủy ban Kiểm tra các cấp có nhiều tiến bộ, đạt hiệu quả tốt. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã trực tiếp chỉ đạo các cuộc kiểm tra chấp hành các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, của Tỉnh ủy về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, xây dựng đời sống văn hoá, chương trình xoá đói, giảm nghèo và công tác quản lý đất đai. Đã thành lập các tổ công tác trực tiếp xuống cơ sở kiểm tra công tác tiếp dân, chỉ đạo việc giải quyết đơn, thư khiếu tố, góp phần ổn định tình hình chính trị xã hội.

Ủy ban Kiểm tra các cấp đã phối hợp kiểm tra 164 tổ chức đảng và 1.761 đảng viên về việc chấp hành nguyên tắc tổ chức sinh hoạt và việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng; gắn với kiểm tra việc thực hiện Quy định số 55-QĐ/TW của Bộ Chính trị (khoá VIII) về những điều đảng viên không được làm và giải quyết đơn, thư tố cáo của đảng viên. Đã xử lý kỷ luật 11 tổ chức đảng và 857

đảng viên, có 37% là cấp uỷ viên các cấp, khai trừ khỏi Đảng 119 trường hợp. Các cấp uỷ Đảng đã xử lý kỷ luật kịp thời, nghiêm minh những cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật; kể cả những cán bộ đã hoặc đang giữ cương vị lãnh đạo chủ chốt trong cấp uỷ và trong các cơ quan từ tỉnh đến cơ sở; kiểm tra và xử lý kỷ luật các tổ chức đảng vi phạm theo tinh thần thực hiện bước 2, bước 3 Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tạo được sự đồng tình cao trong nội bộ; có tác dụng giáo dục, ngăn chặn tình trạng tiêu cực, suy thoái trong một số cán bộ, đảng viên. Đa số đảng viên đã nêu cao vai trò gương mẫu thực hiện nếp sống mới trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Với sự nghiêm túc, kiên quyết của công tác kiểm tra góp phần xây dựng Đảng bộ tỉnh Hà Nam ngày một trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Trong công tác xây dựng Đảng còn một số hạn chế. Vai trò lãnh đạo của cấp uỷ đảng ở một số nơi, nhất là cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Năng lực lãnh đạo kinh tế còn hạn chế. Một số chi bộ, đảng bộ cơ sở chưa làm tốt vai trò lãnh đạo toàn diện ở địa phương, chưa làm tốt công tác quản lý, rèn luyện, phân công đảng viên làm nhiệm vụ. Trong tổ chức sinh hoạt Đảng có nơi vừa thiếu dân chủ, vừa thiếu kỷ cương; đấu tranh tự phê bình và phê bình chưa thường xuyên, nghiêm túc; chưa thẳng thắn chân tình. Còn biểu hiện mất đoàn kết, tư tưởng cục bộ, địa phương, cá nhân chủ nghĩa. Tình trạng phát tán đơn,

thư mạo danh, nặc danh với động cơ xấu có lúc diễn ra rất nghiêm trọng nhưng chưa được ngăn chặn kịp thời. Một số cán bộ, đảng viên giảm sút ý chí phấn đấu, nặng về vun vén cá nhân, xa rời quần chúng. Đặc biệt nghiêm trọng là có cán bộ, đảng viên ở cương vị lãnh đạo cố ý làm trái nguyên tắc, để cho chủ nghĩa cá nhân chi phối, gây chia rẽ, bè phái, tham nhũng, quan liêu, làm sai chế độ chính sách, làm giảm lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

Công tác lãnh đạo hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thường xuyên, cụ thể hơn.

Trong các ngày 27, 28-4-1998, tại kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam đã xác định khoá Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam nhiệm kỳ (1994-1999) là khoá XIII. Ngày 14-11-1999, Đảng bộ đã lãnh đạo thành công cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp nhiệm kỳ (1999 - 2004) trong toàn tỉnh. Ngày bầu cử thực sự là ngày hội của nhân dân các địa phương tham gia xây dựng chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh. Tỷ lệ cử tri đi bầu đạt 99,51% so với tổng số cử tri trong danh sách và khá đồng đều ở các huyện, thị trong tỉnh. Kết quả đã bầu đủ 45 đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, 194 đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, thị xã và bầu được 2.479 đại biểu Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn.

Cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp nhiệm kỳ (1999-2004) khẳng định ý thức làm chủ và trách nhiệm của đông đảo cử tri trong tỉnh; khẳng định sự quan tâm lãnh đạo,

chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền; sự phối hợp chặt chẽ có hiệu quả giữa Hội đồng bầu cử các cấp và Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể toàn tỉnh trong hoạt động tuyên truyền, trong quá trình chuẩn bị và tổ chức cuộc bầu cử.

Bộ máy chính quyền từ tỉnh đến cơ sở được củng cố. Hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp được đổi mới về nội dung và hình thức, đảm bảo đúng luật. Tăng cường chức năng giám sát đối với việc tổ chức chỉ đạo thực hiện chủ trương của Đảng và nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân. Hoạt động tiếp xúc cử tri được duy trì thường xuyên, bước đầu phát huy tốt quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện tốt quyền dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện trong việc xây dựng chính quyền của dân, do dân, vì dân.

Uỷ ban nhân dân tỉnh đã bám sát chủ trương của Đảng, Nhà nước, của Tỉnh uỷ, tích cực chỉ đạo các ngành, chính quyền cơ sở thực hiện cải cách hành chính, phát triển ngành nghề, quản lý tài nguyên, tăng cường thu ngân sách, xây dựng cơ sở hạ tầng. Đổi mới khoa học, kỹ thuật, đổi mới tổ chức quản lý hợp tác xã nông nghiệp và đổi mới sắp xếp doanh nghiệp Nhà nước. Tăng cường quản lý xã hội, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở. Xây dựng làng văn hoá, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội, xây dựng nông thôn mới. Trong chỉ đạo điều hành đảm bảo tập trung, thống nhất. Thực hiện tốt cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, đề cao vai trò chủ động của Uỷ ban nhân dân các cấp. Công tác quản lý Nhà

nước trên một số lĩnh vực có tiến bộ. Vai trò quản lý kinh tế, quản lý xã hội được tăng cường, kỷ cương xã hội, pháp luật của Nhà nước được giữ vững.

Tuy nhiên, ở một số nơi, Hội đồng nhân dân chưa làm tốt chức năng giám sát. Hiệu lực quản lý, điều hành trên một số mặt công tác của chính quyền ở một số đơn vị chưa chủ động, sáng tạo. Sự lãnh đạo của cấp uỷ cùng cấp và tổ chức đảng cấp trên đối với chính quyền cơ sở có nơi, có lúc bị buông lỏng.

Thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW, ngày 18-02-1998 của Bộ Chính trị (khoá VIII), về việc *Xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở*, ngày 16-10-1998, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã ra Chỉ thị 03-CT/TU và tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt trong tỉnh để quán triệt các văn bản của Trung ương và của Tỉnh uỷ về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Sau khi làm điểm, rút kinh nghiệm, tỉnh đã triển khai ra diện rộng đối với cả 3 loại hình cơ sở xã, phường, thị trấn; cơ quan hành chính sự nghiệp và doanh nghiệp Nhà nước. Đến giữa năm 2000, qua kiểm tra đã khẳng định xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở là đúng đắn, phát huy tinh thần làm chủ, chủ động trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, xây dựng cuộc sống mới góp phần vào việc ổn định chính trị ở cơ sở, tạo niềm tin trong các tầng lớp nhân dân, trong công nhân, viên chức và người lao động. Các tầng lớp nhân dân phấn khởi, hiểu rõ hơn bản chất của chế độ, của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Nhân dân tham gia xây dựng quy chế, hương ước trong bầu không khí dân chủ, cán bộ giải quyết các thủ

tục hành chính giảm phiền hà, giảm hiện tượng cửa quyền hách dịch, đẩy nhanh tiến độ cải cách hành chính. Nhân dân hưởng ứng chủ trương của Đảng, ý thức được quyền làm chủ trong việc thực hiện các nhiệm vụ cách mạng và xây dựng cuộc sống mới.

Nhân dân được thảo luận tham gia ý kiến trước khi có nghị quyết của cấp uỷ Đảng, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân về những việc cụ thể như quy hoạch, sử dụng đất đai, vay vốn, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, xây dựng các công trình hạ tầng, thu chi ngân sách, các khoản nhân dân đóng góp... Từ đó nhân dân tự nguyện đóng góp công sức, tiền của thực hiện chủ trương chung. Ở các cơ quan hành chính, công khai hoá các hồ sơ thủ tục hành chính, lệ phí, thời gian giải quyết công việc, lịch tiếp dân, cử cán bộ có thẩm quyền, có năng lực giải quyết dứt điểm đơn thư khiếu nại, tố cáo của dân, coi trọng việc giải quyết hoà giải từ cơ sở, không để vụ việc kéo dài. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chỉ đạo các huyện, thị, các ngành và cơ sở kết hợp chặt chẽ cả hai nội dung triển khai quy chế dân chủ và phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá, nhằm khắc phục những biểu hiện tiêu cực về tư tưởng, đạo đức lối sống và xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh trong từng gia đình, làng xã, cơ quan, xí nghiệp, trường học, các đơn vị lực lượng vũ trang. Vận động nhân dân xây dựng nếp sống văn minh, bài trừ hủ tục, tệ nạn xã hội trong việc cưới, việc tang, lễ hội và trong các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng.

Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở đã có tác động tích cực vào cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, góp

phần quan trọng vào việc xây dựng, củng cố chính quyền ở cơ sở. Nhiều nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân được nhân dân góp ý trước khi ban hành, nhiều nơi xây dựng thành quy trình lấy ý kiến, góp ý phê bình nhận xét của nhân dân đối với cán bộ, đảng viên về phẩm chất, năng lực và trách nhiệm, qua đó giúp cấp uỷ có thêm những thông tin về cán bộ, giúp cho việc quản lý đánh giá nhận xét, bố trí, sử dụng cán bộ chặt chẽ, chính xác, khách quan hơn.

Thực hiện Chỉ thị số 54-CT/TW, ngày 22-5-2000, của Bộ Chính trị về Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, gắn với thực hiện bước 3 cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đặc biệt coi trọng phát huy dân chủ trong Đảng và trong nhân dân, từ việc kiểm tra sửa chữa khuyết điểm, xử lý cán bộ, đảng viên sai phạm đến việc xây dựng báo cáo chính trị và công tác nhân sự Đại hội. Kiên quyết xử lý cán bộ, đảng viên vi phạm liên quan đến nhân sự đại hội, chủ động rút khỏi danh sách bầu cử những ứng cử viên có biểu hiện sai phạm. Trong lãnh đạo, đặc biệt chú ý đến Đại hội điểm, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã chỉ đạo Đại hội điểm ở 5 tổ chức cơ sở Đảng, là Đảng bộ xã Bình Nghĩa, Vũ Bản, Tiêu Động, huyện Bình Lục; Đạo Lý, Vĩnh Trụ, huyện Lý Nhân và rút kinh nghiệm bước đầu về chỉ đạo Đại hội. Tính đến ngày 28-9-2000, toàn tỉnh đã hoàn thành tổ chức Đại hội ở 100% chi, đảng bộ cơ sở.

Do làm tốt công tác chuẩn bị Đại hội, sự chỉ đạo chặt chẽ của các cấp uỷ Đảng và tinh thần trách nhiệm cao của cán bộ, đảng viên nên hầu hết các Đại hội Đảng bộ cơ sở

trong tỉnh đã đảm bảo khá tốt các yêu cầu, nội dung, quy trình của Trung ương, của tỉnh đề ra. Những nơi có vụ việc phức tạp, những vấn đề nổi cộm đều được làm rõ trước khi Đại hội. Công tác nhân sự được quan tâm và tiến hành chặt chẽ. Những cán bộ chủ chốt ở cơ sở vi phạm đạo đức lối sống, vi phạm trong quản lý kinh tế- xã hội hoặc sức khoẻ yếu đều không được giới thiệu để bầu cấp uỷ mới. Không khí Đại hội cởi mở, dân chủ, phấn khởi tin tưởng. Bầu Ban Chấp hành khoá mới, hầu hết chỉ 1 vòng đủ số lượng, đảm bảo cơ cấu. Tiêu chuẩn, chất lượng cấp uỷ mới được nâng lên, tỷ lệ cấp uỷ được đổi mới từ 25% – 30%, trình độ chính trị và chuyên môn nghiệp vụ cao hơn, độ tuổi trẻ hơn và tỷ lệ nữ tăng hơn khoá trước.

Sau khi hoàn thành tổ chức Đại hội cấp cơ sở, Đại hội Đảng bộ cấp huyện, thị và trực thuộc, Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Nam lần thứ XVI đã được tiến hành từ ngày 15 đến ngày 17-12-2000, tại Nhà văn hoá trung tâm tỉnh⁽¹⁾.

Đồng chí Lê Xuân Tùng, Uỷ viên Bộ Chính trị, phụ trách công tác tư tưởng, văn hoá và khoa giáo của Đảng thay mặt Bộ Chính trị về dự và chỉ đạo Đại hội.

Đại hội có 259 đại biểu chính thức, đại diện cho gần 36.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ tỉnh tham dự.

Qua thảo luận, Đại hội đã khẳng định những kết quả của Đảng bộ, quân và dân Hà Nam đạt được trên tất cả các lĩnh vực trong 4 năm (1997-2000), đặc biệt là từ sau Đại

(1). Nay là một phần khuôn viên vườn hoa Nam Cao, góc đối diện đường Lê Lợi.

hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV. Tổng sản phẩm GDP bình quân hàng năm tăng 9,1%. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng từ 18,8% năm 1997, lên 28,5% năm 2000; giảm tỷ trọng nông nghiệp từ 49,6% năm 1997, xuống 41,5% năm 2000. Các mặt hoạt động khác đều có bước phát triển mới góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Tỷ lệ hộ giàu tăng; tỷ lệ hộ đói, nghèo từ 15,4% năm 1997 giảm xuống còn dưới 10% năm 2000, cơ bản không còn hộ đói.

Đại hội cũng chỉ ra những thiếu sót, khuyết điểm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kinh tế- xã hội, đồng thời phân tích rõ nguyên nhân mạnh, yếu trong quá trình Đảng bộ lãnh đạo thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội trong nhiệm kỳ (1998-2000).

Về phương hướng 5 năm (2001 - 2005), Đại hội xác định: *Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và đa dạng sản phẩm hàng hoá; đẩy nhanh hơn nữa tốc độ phát triển công nghiệp, xây dựng, xuất khẩu để thúc đẩy hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý, hiệu quả. Tiếp tục sắp xếp và đổi mới nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp Nhà nước. củng cố, nâng cao hiệu quả các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp, phi nông nghiệp theo Luật Hợp tác xã. Tăng cường cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, tạo tiền đề cho giai đoạn phát triển tiếp theo. Nâng cao năng lực khoa học- công nghệ, giáo dục- đào tạo, đặc biệt coi trọng phát huy nguồn lực con người. Tích cực giải quyết các vấn đề bức xúc về việc làm, xoá đói, giảm nghèo,*

cải thiện đời sống nhân dân, xây dựng đời sống văn hoá, đảm bảo trật tự kỷ cương, đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo quốc phòng, an ninh vững chắc. Tiếp tục thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tăng cường đoàn kết, thống nhất, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng và đảng viên, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ, mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đề ra.

Căn cứ vào phương hướng trên, Đại hội nhất trí thông qua các mục tiêu kinh tế - xã hội đến năm 2005 và đề ra các giải pháp lớn thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội đến năm 2005.

Phát biểu ý kiến chỉ đạo Đại hội, đồng chí Lê Xuân Tùng, Ủy viên Bộ Chính trị đã biểu dương những thành tích mà Đảng bộ quân và dân Hà Nam đã đạt được. Đồng thời nhấn mạnh: Từ sau Đại hội XV, Hà Nam đã nhanh chóng khắc phục có hiệu quả tình trạng mất đoàn kết trong cấp uỷ, bước đầu ổn định và tạo thế cho sự phát triển mới của tỉnh; đồng thời tin tưởng trong thời gian tới Hà Nam sẽ có những bước chuyển mới, đột phá, mạnh mẽ, rút ngắn khoảng cách với các tỉnh bạn.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khoá XVI) gồm 41 đồng chí và Đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng gồm 14 đồng chí. Ban Chấp hành Đảng bộ khoá mới, họp phiên đầu tiên bầu Ban Thường vụ gồm 11 đồng chí. Đồng chí Phạm Quang Nghị, Ủy viên Trung ương Đảng được bầu lại làm Bí thư Tỉnh

ủy, đồng chí Tăng Văn Phả được bầu làm Phó Bí thư Thường trực, đồng chí Đinh Văn Cương được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Trong công tác xây dựng Đảng, công tác dân vận được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo, tập trung chỉ đạo củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức đoàn thể chính trị theo tinh thần hướng về cơ sở. Phát hiện và phản ánh những tâm tư nguyện vọng chính đáng của các tầng lớp nhân dân. Công tác vận động quần chúng có sự đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động. Nhờ đó đã tập hợp được đông đảo lực lượng đoàn viên, hội viên tích cực tham gia các hoạt động phong trào, góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị của tỉnh và củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng.

Mặt trận Tổ quốc phát huy vai trò là trung tâm đoàn kết các tầng lớp nhân dân, chú trọng kiện toàn và mở rộng tổ chức, để thu hút các tầng lớp nhân dân vào các tổ chức mang tính quần chúng rộng rãi, nhất là thu hút, tập hợp các nhân sĩ, trí thức, các chức sắc tôn giáo, trưởng các dòng họ tộc, người cao tuổi có uy tín tại cộng đồng, khu dân cư... nhằm phát huy tiềm năng trí tuệ, công sức, tiền của góp phần xây dựng quê hương. Mặt trận và các tổ chức thành viên thường xuyên đổi mới phương thức hoạt động đảm bảo vừa hiệu quả, thiết thực tạo nên sự thống nhất, gắn bó giữa các tổ chức thành viên, phát huy nội lực của nhân dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống, hạn chế các tệ nạn xã hội, công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Nhiều hình thức hoạt

động đi vào chiều sâu như cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư”, “Vì người nghèo” và phát động các phong trào thi đua, xây dựng các câu lạc bộ, tổ chức hội thi, hội thảo, hội diễn, diễn đàn, giao lưu văn hoá... Các phong trào “Thanh niên lập nghiệp”, “Tuổi trẻ giữ nước” của Đoàn Thanh niên; “Năm chương trình công tác” của Hội Phụ nữ; “Xây dựng gia đình nông dân thực hiện 6 tiêu chuẩn” của Hội Nông dân và “Xây dựng gia đình cội chiến binh tiến bộ” của Hội Cựu chiến binh đã có hiệu quả thiết thực.

Mặt trận Tổ quốc tỉnh còn vận động nhân dân ủng hộ các địa phương bị thiên tai với tinh thần tương thân tương ái. Tháng 12-1998, miền Trung và Tây Nguyên bị bão lụt lớn. Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh đã chủ động đề xuất và được Thường trực Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh nhất trí phát động cuộc vận động ủng hộ đồng bào bị bão lụt. Chỉ tính từ ngày 03-12-1998 đến ngày 20-12-1998, nhân dân trong tỉnh đã ủng hộ số tiền gần 1 tỷ đồng. Trong đó huyện Lý Nhân ủng hộ 320 triệu đồng, cao nhất trong tỉnh.

Từ những hoạt động thực tiễn của Mặt trận Tổ quốc, khối đại đoàn kết toàn dân được mở rộng, thực sự là cầu nối giữa nhân dân với Đảng, chính quyền, tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng, chính quyền với nhân dân.

Đảng bộ thường xuyên quan tâm đến công tác thanh niên. Ngày 20-3-2000, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã ra Thông tri số 09-TT/TU *Về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp*

ủy Đảng đối với công tác thanh niên. Thực hiện Thông tri, các cấp ủy Đảng đã thường xuyên làm tốt việc rèn luyện, giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ về lý tưởng, truyền thống cách mạng, đạo đức, lối sống và trách nhiệm của thanh niên với Đảng, với đất nước, quê hương. Quan tâm làm tốt công tác bồi dưỡng, phát triển đoàn viên vào Đảng, mạnh dạn giao cho thanh niên đảm nhận công tác xã hội, qua các công trình thanh niên, phần việc thanh niên... để rèn luyện, đào tạo nguồn lực cán bộ cho Đảng. Được sự quan tâm của Đảng, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Hà Nam đã tích cực chỉ đạo các tổ chức đoàn, hội thực hiện tốt 2 phong trào lớn: “Thanh niên lập nghiệp”, “Tuổi trẻ giữ nước” và các cuộc vận động do Trung ương Đoàn phát động, đóng góp tích cực vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương; đơn vị với tinh thần “Thanh niên Hà Nam đoàn kết, sáng tạo, tình nguyện vì dân, lập thân, kiến quốc”.

Phong trào “Thanh niên xung kích ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào quản lý và sản xuất kinh doanh”; cuộc vận động “Tiết kiệm tích lũy”; “Học tập rèn luyện vì ngày mai lập nghiệp” và cuộc vận động “Hiến máu nhân đạo”... được đoàn viên, thanh niên tích cực hưởng ứng. Tuổi trẻ toàn tỉnh còn đảm nhận 6.000 công trình thanh niên, thu hút 250.000 lao động với tổng giá trị các công trình là 18 tỷ đồng. Qua các phong trào đã xuất hiện nhiều điển hình tiên tiến. Trong khu vực sản xuất công nghiệp và hành chính sự nghiệp đã có 237 sáng kiến cải tiến kỹ thuật, làm lợi cho Nhà nước gần 2 tỷ đồng.

Đội tuyển “Bảy sắc cầu vồng” của Trường trung học phổ thông chuyên Hà Nam đạt giải nhì khu vực các tỉnh đồng bằng sông Hồng. Đoàn Thanh niên tỉnh đã tổ chức tốt Đại hội Đại biểu cháu ngoan Bác Hồ tỉnh Hà Nam lần thứ VI vào tháng 5-2000, có 110 đội viên thiếu niên, nhi đồng là những cháu ngoan Bác Hồ tiêu biểu toàn tỉnh đã về dự.

Cán bộ, hội viên Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Hà Nam đã đoàn kết, hăng hái thi đua lao động sản xuất, tích cực học tập và công tác, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, vai trò, vị thế của người phụ nữ được khẳng định trong gia đình và ngoài xã hội.

Để có được thành tích đó, Hội xác định tuyên truyền giáo dục nâng cao kiến thức về mọi mặt cho phụ nữ là cơ sở giúp phụ nữ nâng cao nhận thức, vươn lên thực hiện bình đẳng, đáp ứng yêu cầu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Các cấp hội tập trung tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chương trình hoạt động của hội, truyền thống của phụ nữ Việt Nam... Đặc biệt coi trọng bồi dưỡng kiến thức chuyên đề về giới, hạnh phúc gia đình, chăm sóc sức khoẻ sinh sản, khoa học - kỹ thuật mới, phòng chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường. Các hình thức tuyên truyền phong phú như sinh hoạt câu lạc bộ, tổ chức hội thi, nêu gương phụ nữ điển hình, giao lưu văn nghệ... thu hút đông đảo hội viên tham gia.

Tổ chức hội không ngừng được củng cố và phát triển. Tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hướng về cơ sở, lấy

chi hội phụ nữ là địa bàn hoạt động của cán bộ hội, đầu tư cho nơi có phong trào yếu, nâng độ đồng đều của phong trào. Tỉnh hội đã đề ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của hội như mở rộng đa dạng hoá các loại hình hoạt động, đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt, tăng cường xây dựng quỹ hội, khai thác và đầu tư các chương trình dự án dạy nghề tạo việc làm, hỗ trợ vốn phát triển kinh tế gia đình, chăm sóc sức khoẻ phụ nữ, trẻ em... Những giải pháp đó đã có hiệu quả thiết thực. Qua xếp loại thi đua hàng năm, 100% huyện, thị, đơn vị trực thuộc và 89% đơn vị phường, xã, thị trấn đạt danh hiệu tiên tiến và xuất sắc. Trong 5 năm (1996-2000), phát triển thêm được 24.500 hội viên, đưa tổng số hội viên toàn tỉnh lên trên 120 nghìn hội viên, đạt 62% so với tổng số phụ nữ trong độ tuổi.

Mạng lưới tổ chức Hội Cựu chiến binh được quan tâm củng cố và không ngừng phát triển từ tỉnh đến cơ sở. Đến hết năm 1999, toàn tỉnh đã có tổ chức cơ sở hội ở 114 xã, phường, thị trấn, thu hút 20.671 hội viên, chiếm 82% tổng số cựu chiến binh. Các cấp hội đã chú trọng giáo dục chính trị tư tưởng, bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng, phương pháp hoạt động cho cán bộ Hội và hội viên. Phong trào thi đua phát huy bản chất “Truyền thống bộ đội Cụ Hồ” được đông đảo hội viên hưởng ứng, ngày càng đi vào chiều sâu và có hiệu quả. Đã có 80-85% hội viên đạt danh hiệu cựu chiến binh gương mẫu công tác tốt, 85- 90% hội viên đạt danh hiệu cựu chiến binh trong sạch, vững mạnh, 75-80% gia đình hội viên đạt danh hiệu “Gia đình cựu

chiến binh tiến bộ”. Các cấp hội đã tuyên truyền vận động và tổ chức cho hội viên tham gia xây dựng Đảng, chính quyền. Hội viên cựu chiến binh được bầu cử vào các chức danh ở cơ sở ngày càng nhiều. Các đồng chí hội viên ở cơ sở còn là nòng cốt trong các hoạt động tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, giữ gìn an ninh trật tự, hoà giải, huấn luyện lực lượng dân quân, tự vệ.

Phong trào giúp nhau phát triển kinh tế, xoá đói, giảm nghèo được đẩy mạnh. Các cấp hội đã khai thác các nguồn vốn tín dụng, huy động vốn của hội viên để cho nhau vay giúp gia đình cựu chiến binh phát triển sản xuất, thanh toán nợ với hợp tác xã. Năm 1999, đã có 81,3% hộ gia đình hội viên có nhà xây lợp ngói; 11% có nhà mái bằng; 62,2% có phương tiện nghe, nhìn. Đặc biệt, các hội viên đã tham gia tích cực phong trào làm đường giao thông thôn, xóm.

Đời sống vật chất và tinh thần của nông dân tiếp tục được cải thiện. Đến năm 2000, số hộ đói nghèo còn 10%; 100% số xã có điện thắp sáng; các phương tiện như ô tô, máy làm đất, xe vận tải ngày càng phát triển. Những đổi mới nhiều mặt ở nông thôn gắn liền với sự trưởng thành của tổ chức Hội Nông dân các cấp. Hoạt động của Hội nông dân từ tỉnh đến cơ sở luôn cải tiến nội dung và phương thức hoạt động, tập hợp hội viên tích cực tham gia vào các phong trào thi đua của Hội phát động, như phong trào phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới; phong trào thi đua sản xuất giỏi, kinh doanh giỏi; thi tìm hiểu “Nông dân với công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất

nước"... Từ đó nâng cao vị trí vai trò của Hội và nâng cao nhận thức của cán bộ hội viên, tổ chức Hội ngày càng lớn mạnh, thực sự làm nòng cốt trong phong trào nông dân. Đến năm 2000, toàn tỉnh đã có gần 112 nghìn hội viên hội nông dân, đạt 34% so với tổng số lao động nông nghiệp, 100% cơ sở thôn xóm có tổ chức Hội. Hoạt động của Hội đã phát huy mạnh mẽ vai trò làm chủ của nông dân trong phong trào phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng nông thôn mới, góp phần tích cực vào sự phát triển toàn diện của tỉnh. Phong trào nông dân sản xuất giỏi, gắn với chương trình quốc gia xoá đói, giảm nghèo, tạo điều kiện cho hộ nông dân phát huy vai trò tự chủ, phát triển sản xuất. Tỷ lệ hộ sản xuất giỏi, thu nhập bình quân 70-80 triệu đồng/năm trong toàn tỉnh tăng từ 10,5% năm 1999, lên 11,7% năm 2000.

Tuy nhiên, công tác dân vận, hoạt động của mặt trận và đoàn thể nhân dân ở một số nơi còn mang tính hành chính; tỷ lệ tập hợp quần chúng vào tổ chức chưa cao. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, vận động đoàn viên, hội viên gương mẫu chấp hành chính sách, pháp luật chưa được chú trọng; chưa chủ động tham gia giải quyết các vụ việc phức tạp tại cơ sở.

Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, nhất là trong điều kiện tỉnh mới tái lập, Đảng bộ và nhân dân Hà Nam luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ.

Nhân dịp đón xuân Kỷ Mão, ngày 13-02-1999, đồng chí Lê Khả Phiêu - Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đến thăm, làm việc và chúc Tết Đảng bộ, quân và dân tỉnh Hà Nam.

Đồng chí Tổng Bí thư đã biểu dương những thành tích của Đảng bộ và nhân dân Hà Nam đạt được, đồng thời nhấn mạnh những việc Đảng bộ Hà Nam cần tập trung lãnh đạo làm tốt trong thời gian tới để khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Thay mặt Đảng và Nhà nước, đồng chí Tổng Bí thư chúc Đảng bộ và nhân dân Hà Nam có bước phát triển nhanh, mạnh trong năm 1999 - 2000.

Ngày 07-9-1999, đồng chí Trần Đức Lương, Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về thăm và làm việc tại Hà Nam. Sau khi nghe báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh, Chủ tịch Trần Đức Lương đã đánh giá cao những thành tích mà Đảng bộ và nhân dân Hà Nam đạt được sau 3 năm tái lập tỉnh. Đồng chí chỉ rõ nhiệm vụ của Đảng bộ và nhân dân Hà Nam trong những năm tới là phải tập trung phát triển kinh tế địa phương, phải tranh thủ tối đa thuận lợi về công nghệ, về vốn, về kinh nghiệm...; cùng với phát triển kinh tế, phải giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc mà biểu hiện rõ nhất là phẩm chất đạo đức lối sống.

Chủ tịch nước đã về thăm và làm việc tại huyện Kim Bảng và xã Đồng Hoá; gặp gỡ nói chuyện thân mật với đông đảo bà con nông dân; thăm, tặng quà 5 gia đình chính sách và các cháu trường mầm non xã Đồng Hoá, trồng cây đa lưu niệm tại Khu tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ huyện Kim Bảng. Chủ tịch nước vui mừng khi được tận mắt thấy sự đổi mới của nông thôn Kim Bảng với những công trình hạ tầng cơ sở đồng bộ. Chủ tịch Trần Đức Lương đã biểu

duyệt Kim Bảng xứng đáng là huyện đi đầu trong phong trào xoá đói, giảm nghèo, là đơn vị điển hình trong phong trào xây dựng nông thôn mới và chúc huyện Kim Bảng, xã Đồng Hoá tiếp tục vươn lên hơn nữa để mãi mãi là điểm sáng của tỉnh và của cả nước.

Ngày 02-4-2000, Đảng bộ và nhân dân Hà Nam phấn khởi đón đồng chí Phan Văn Khải, Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ về thăm và làm việc.

Thủ tướng Chính phủ và các thành viên trong đoàn đã cùng lãnh đạo tỉnh đi thăm và kiểm tra sản xuất tại Công ty xi măng Bút Sơn, thăm Đảng bộ và nhân dân xã Bình Nghĩa, huyện Bình Lục.

Trong buổi làm việc với lãnh đạo chủ chốt của tỉnh, Thủ tướng tán thành phương hướng phát triển của tỉnh với quan điểm: coi trọng chỉ đạo và tập trung giải quyết vấn đề nông thôn - nông nghiệp - nông dân, là yếu tố quyết định để phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đồng thời chỉ rõ: Các cấp uỷ Đảng phải quan tâm xây dựng tổ chức Đảng vững mạnh ngay từ cơ sở, thật sự gắn bó với nhân dân; kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những đảng viên thoái hoá biến chất, để củng cố và nâng cao lòng tin của nhân dân.

Sau 4 năm tách tỉnh, dầu còn nhiều khó khăn, thách thức trên con đường phát triển, nhưng những thành tích Đảng bộ và nhân dân Hà Nam đã đạt được rất đáng trân trọng, biểu dương. Ngày 17-8-2000, tại thị xã Phủ Lý, Tỉnh

ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh đã long trọng tổ chức Đại hội thi đua yêu nước tỉnh lần thứ VII, với 365 đại biểu điển hình trong toàn tỉnh về dự.

Đại hội đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào thi đua yêu nước của cán bộ, đảng viên, nhân dân và lực lượng vũ trang toàn tỉnh. Phong trào thi đua đã phát triển sâu rộng đến tất cả các cấp, các ngành, các đoàn thể và các tầng lớp nhân dân; khơi dậy được sức mạnh to lớn của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong tỉnh phát huy nội lực, phấn đấu thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh. Kinh tế của tỉnh đã tăng trưởng, GDP bình quân 3 năm (1997 - 1999) là 9,8%, văn hoá - xã hội có sự tiến bộ đáng kể, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện. Đã xuất hiện nhiều tập thể và cá nhân điển hình tiên tiến, tiêu biểu trong lao động sản xuất, học tập, công tác và nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, góp phần đưa Hà Nam vững bước đi lên trong sự nghiệp đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo.

Trong các năm (1997 - 2000), đã có nhiều tập thể, cá nhân được Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng. Tỉnh Hà Nam 2 lần được Chủ tịch nước tặng cờ thi đua luân lưu về thành tích dẫn đầu cả nước về phong trào làm đường giao thông nông thôn, miền núi; Trường Trung học cơ sở Bắc Lý, huyện Lý Nhân được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba. Năm 2000, tỉnh Hà Nam có 2 đơn vị vinh dự được Nhà nước

phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới, đó là hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Yên Bắc, huyện Duy Tiên; Trường trung học cơ sở Bắc Lý, huyện Lý Nhân (lần 2). Công an huyện Kim Bảng được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ đổi mới. Có 9 xã và Bưu điện tỉnh được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, 4 xã trong thời kỳ chống Mỹ.

Điển hình cho phong trào thi đua trong công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp là Công ty xi măng Bút Sơn, Công ty may Bắc Hà, Công ty dệt Hà Nam, Tổ hợp sản xuất vật liệu xây dựng thị trấn Kiện Khê, Công ty trách nhiệm hữu hạn Đồng Tâm, huyện Thanh Liêm, Tổ hợp sản xuất hàng mây, giang đan xuất khẩu của ông Nguyễn Văn Chung, xã Hoàng Đông, huyện Duy Tiên.

Phong trào thi đua quản lý giỏi, thực hành tiết kiệm, phát huy sáng kiến, nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ và năng lực hoạt động thực tiễn của cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan quản lý Nhà nước được đa số cán bộ, công chức hưởng ứng đạt kết quả tốt, góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, những chủ trương biện pháp lớn của tỉnh. Bên cạnh những đơn vị giữ vững danh hiệu đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua nhiều năm như Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính - Vật giá,

CHƯƠNG XV
ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH
SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ,
TẠO THỂ VÀ LỰC MỚI TRÊN CON ĐƯỜNG
HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN (2001 - 2005)

I. ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ XXI

Thành công của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI là những tiền đề và động lực quan trọng để Hà Nam vững bước trên con đường phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Trong không khí đón chào năm mới, Xuân Tân Tỵ (2001), Đảng bộ và nhân dân Hà Nam vinh dự được đón các đoàn đại biểu của Đảng, Nhà nước, Chính phủ về thăm, làm việc, chúc tết Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh.

Trong dịp thăm và làm việc tại tỉnh, các đoàn đại biểu của Đảng, Nhà nước và Chính phủ cũng đã về thăm, chúc tết, tặng quà tại một số địa phương, đơn vị.

Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu về thăm và chúc tết cán bộ, công nhân Bưu điện tỉnh, đơn vị vừa được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ chống Pháp và Công ty dệt Hà Nam.

Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải về thăm tặng quà các thương, bệnh binh tại Trung tâm Điều dưỡng thương binh nặng Ba Sao, huyện Kim Bảng.

Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình về thăm và tặng quà các thương bệnh binh và cán bộ Trung tâm Điều dưỡng thương binh nặng Liêm Cần, huyện Thanh Liêm.

Trong buổi làm việc với cán bộ chủ chốt của tỉnh, thay mặt Bộ Chính trị, đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đã biểu dương Đảng bộ và nhân dân Hà Nam đã nỗ lực cùng cả nước vượt qua khó khăn của cuộc khủng hoảng tài chính trong khu vực và có bước phát triển mới. Bình quân lương thực đạt hơn 500 kg/người/năm, xoá được đói, nông dân Hà Nam phải phấn đấu vươn lên làm giàu, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đảng bộ phải tính toán về tiềm năng lao động và ngành nghề trên lợi thế gần các thành phố lớn, các khu công nghiệp để phát triển. Trong công tác xây dựng Đảng đã khắc phục được những khó khăn sau ngày tái lập tỉnh. Tổng Bí thư căn dặn Đảng bộ, quân dân trong tỉnh trong xây dựng phát triển kinh tế - xã hội phải vừa làm vừa rút kinh nghiệm, không được chủ quan thoả mãn với thành tích đã đạt được, đồng thời phải loại trừ chủ nghĩa cá nhân trong mỗi cán bộ, đảng viên mới đảm bảo được đoàn kết nội bộ, cùng nhau phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ. Tổng Bí thư chúc Đảng bộ và nhân dân Hà Nam có những bước tiến mạnh hơn, vững chắc hơn.

Ngay trong năm đầu tiên của thiên niên kỷ mới, sự quan tâm, động viên kịp thời của các đồng chí lãnh đạo

Đảng, Nhà nước đối với mảnh đất cửa ngõ thủ đô đang được đánh thức tiềm năng và thế mạnh, đã cổ vũ mạnh mẽ Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh quyết tâm đoàn kết một lòng, vượt qua khó khăn thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội trong kế hoạch 5 năm (2001-2005).

Thi hành Quyết định số 135-QĐNS/TW, ngày 4-7-2001 của Bộ Chính trị, đồng chí Phạm Quang Nghị, Ủy viên Trung ương Đảng thôi giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Hà Nam, để nhận chức Bí thư Ban Cán sự Đảng, Bộ Văn hoá - Thông tin. Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ngày 02-8-2001 đã bầu đồng chí Tăng Văn Phả - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, giữ chức Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Nguyễn Minh Quang, Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, giữ chức Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy.

Ngày 27-9-2003, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam và Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về thiết lập quan hệ hợp tác phát triển Hà Nam - Hà Nội, tại thị xã Phủ Lý lãnh đạo tỉnh Hà Nam và thành phố Hà Nội đã phối hợp tổ chức hội nghị hợp tác phát triển giữa hai địa phương. Đó là bước cụ thể hoá việc thực hiện quan điểm, nội dung Nghị quyết số 15-NQ/TW của Bộ Chính trị (khoá VIII) nhằm thúc đẩy sự nghiệp xây dựng và phát triển của hai địa phương trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Tư tưởng chỉ đạo là hợp tác toàn diện, mạnh mẽ, vững chắc; phù hợp với nhu cầu, khả năng của mỗi bên; vừa tính toán hiệu quả kinh tế, vừa hỗ trợ lẫn nhau cùng phát triển bền vững. Lãnh đạo

hai bên đã thoả thuận hợp tác toàn diện trên 10 lĩnh vực: Nông nghiệp, công nghiệp, giao thông - vận tải, xây dựng, thương mại, du lịch, y tế, văn hoá - thông tin, tài nguyên - môi trường, an ninh - trật tự an toàn xã hội. Triển khai chương trình hợp tác đến năm 2005, hai bên đã phối hợp tổ chức và phục vụ tốt SEAGAMES 22 và PARAGAMES; nghiên cứu, xây dựng và đưa vào khai thác, sử dụng tuyến xe buýt Hà Nội - Phủ Lý (Hà Nam). Hà Nội xúc tiến mạnh đầu tư vào Hà Nam các lĩnh vực xây dựng nhà ở, sản xuất vật liệu xây dựng, dệt may, giày da xuất khẩu, chế biến đá. Hà Nam sản xuất và cung cấp cho thị trường Hà Nội một số sản phẩm nông nghiệp như rau sạch, thịt sạch cao cấp; tăng cường liên kết vận tải hành khách và hàng hoá liên tỉnh bằng đường bộ, đường thuỷ; trao đổi kinh nghiệm, chuyên gia về lĩnh vực giao thông, chiếu sáng đô thị, điều khiển giao thông tự động. Trong lĩnh vực thương mại, hai bên phối hợp tổ chức các hội chợ, triển lãm thương mại tại Hà Nam, hợp tác hai chiều trong lĩnh vực tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm...

Trong lĩnh vực quản lý nông nghiệp, toàn tỉnh tập trung triển khai thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU, ngày 04-5-2000 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ *Về chuyển đổi ruộng đất nông nghiệp nhằm khắc phục tình trạng manh mún, phân tán ruộng đất nông nghiệp*. Đến 31-12-2001, toàn tỉnh đã hoàn thành cơ bản công tác chuyển đổi ruộng đất, giao xong đất ở thực địa để nhân dân bắt tay vào sản xuất trong vụ chiêm xuân năm 2002. Số thửa sau chuyển đổi giảm 48,6% so với trước. Có 8.902 hộ còn 1 thửa, chiếm 4,7% tổng số



Đông chí Nông Đức Mạnh - Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng phát biểu chỉ đạo trong dịp về thăm và làm việc tại tỉnh, năm 2004

hộ sau khi chuyển đổi, trong đó thị xã Phú Lý chiếm 9,7%; các huyện Kim Bảng 6,23%; Lý Nhân 5,26%; Bình Lục 4,6%; Thanh Liêm 3,8%; Duy Tiên 1,63%. Tổng số hộ có 2-3 thửa chiếm 29,6%; số hộ 4-5 thửa chiếm 60,4%; còn 5,3% số hộ có trên 5 thửa. Riêng thị xã Phú Lý không có trường hợp nào hơn 5 thửa. Bình quân chung toàn tỉnh chỉ còn 4,18 thửa/hộ, giảm 4 thửa/hộ so với trước khi chuyển đổi.

Các loại đất công ích, đất dự trữ do Ủy ban nhân dân xã quản lý được dồn đổi gọn thửa thuận lợi cho công tác quản lý và sử dụng.

Hầu hết các địa phương đều gắn việc tổ chức chuyển đổi ruộng đất với quy hoạch lại đồng ruộng, củng cố, nâng cấp làm mới bờ vùng, bờ thửa tạo điều kiện cho nông dân về thuỷ lợi, đi lại, vận chuyển. Sau khi chuyển đổi ruộng đất, nông dân rất phấn khởi vì điều kiện sản xuất thuận lợi hơn. Vụ sản xuất đầu tiên sau khi chuyển đổi, nhiều địa phương nhận thấy số lượng 4-5 thửa vẫn khó canh tác, đã tiếp tục tự chuyển đổi cho nhau như xã Mỹ Thọ, huyện Bình Lục, xã Thanh Nguyên, huyện Thanh Liêm.

Chỉ thị số 15-CT/TU, ngày 04-5-2000 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã đạt được mục đích đề ra ban đầu là khắc phục được tình trạng manh mún, phân tán ruộng đất, đó cũng là một trong những hạn chế của Quyết định số 115-QĐ/UB, ngày 15-2-1992 của Ủy ban nhân dân tỉnh trước đây. Việc chuyển đổi ruộng đất trên địa bàn tỉnh cũng phù hợp với yêu cầu chuyển dần nông nghiệp sang sản xuất hàng hoá, đã tạo điều kiện thực hiện công nghiệp

hoá trong nông nghiệp, giảm chi phí sản xuất, phù hợp với nguyện vọng của đông đảo nông dân, làm thay đổi nhận thức của một bộ phận lớn nông dân suy tính thiệt hơn, bảo thủ, ngại chuyển đổi trước đó đã nhận thấy được lợi ích lâu dài, đem lại hiệu quả trong sản xuất của việc chuyển đổi ruộng đất.

Chỉ thị số 15-CT/TU được thực hiện đồng thời với Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 21-5-2001 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ *Về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phát triển ngành nghề dịch vụ ở nông thôn* đã tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong phát triển nông nghiệp của tỉnh. Tất cả các huyện, thị trong tỉnh đã triển khai chương trình trọng điểm thực hiện Nghị quyết 03 ngay trong vụ mùa, vụ đông năm 2001. Toàn tỉnh đã tập trung cho thâm canh, chuyển dịch cơ cấu giống, đưa giống có năng suất cao vào sản xuất, đảm bảo an ninh lương thực, đồng thời đưa bộ giống có chất lượng cao để hình thành vùng gieo cấy lúa hàng hoá chiếm 11,9% diện tích gieo cấy vụ đông - xuân và 14,2% diện tích vào vụ mùa 2004. Dự án sản xuất giống lúa lai F1 với diện tích 207 ha năm 2001, được duy trì 180 ha năm 2003 đạt chất lượng tốt, không thua kém giống lúa lai nhập nội, đảm bảo cơ bản nhu cầu giống lúa lai cho sản xuất vụ mùa của tỉnh.

Sau khi dự án: “Chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi vùng trung tỉnh Hà Nam” được Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt, diện tích vùng trung được chuyển đổi sang sản xuất đa canh tăng từ 292 ha năm 2002, lên 2.025 ha năm 2005, bước đầu mang lại hiệu quả kinh tế cao.



Giống lúa lai nội VL-24, gieo cấy vụ mùa năm 2005, năng suất đạt 65 tạ/ha ở xã Liêm Sơn, huyện Thanh Liêm

Nhằm đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU, Nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2004 của Hội đồng nhân dân tỉnh đã đề ra chỉ tiêu xây dựng cánh đồng đạt 50 triệu/ha/năm. Tiếp đó ngày 29-9-2004, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Chỉ thị số 19-CT/TU Về tăng cường sự chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng đối với phong trào xây dựng cánh đồng đạt 50 triệu đồng/ha/năm, hộ nông dân đạt 50 triệu đồng/năm. Chỉ thị nêu rõ: Xây dựng cánh đồng, hộ nông dân đạt 50 triệu/năm là chủ trương lớn, vừa cấp bách, vừa lâu dài, trực tiếp xoá đói, giảm nghèo, là nhiệm vụ trọng tâm trong chỉ đạo phát triển nông nghiệp.

Chủ trương của Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân tỉnh được các cấp, các ngành tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện, trên địa bàn tỉnh đã xuất hiện nhiều mô hình cánh đồng, hộ nông dân đạt thu nhập 50 triệu đồng/năm, góp phần nâng cao giá trị sản xuất bình quân trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp. Đến năm 2005, toàn tỉnh có 226 cánh đồng của 96 xã có quy mô từ 6 - 11 ha, với diện tích 1.826 ha, đạt giá trị sản xuất 50 triệu đồng/ha/năm trở lên, đạt 61% so với chỉ tiêu đề ra năm 2004. Tính chung, giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích năm 2005 đạt 38,5 triệu đồng/ha, vượt chỉ tiêu Đại hội XVI của Đảng bộ đề ra.

Vượt lên những khó khăn do thiên tai, hạn hán, rét hại, rét đậm, dịch cúm gia cầm, giá cả một số vật tư, hàng hoá tăng cao, cơ sở kinh tế còn nhỏ bé, kết cấu hạ tầng còn thấp, chưa đồng bộ, có ít lợi thế trong thu hút đầu tư phát triển, trong 5 năm (2001-2005), sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản phát triển tương đối toàn diện.

Trong sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ tỉnh đã có các giải pháp về chuyển dịch cơ cấu mùa vụ, cơ cấu giống cây trồng, ứng dụng các tiến bộ, khoa học công nghệ mới, tích cực chuẩn bị các loại vật tư thiết yếu, điều hành chặt chẽ quá trình tổ chức thực hiện, hoàn thành gieo trồng trong khung thời vụ tốt nhất. Cơ cấu mùa vụ, cơ cấu giống có sự chuyển biến tích cực, đã bỏ hẳn trà xuân sớm trong vụ đông xuân. Tỷ lệ lúa xuân muộn tăng từ 92,5% năm 2003 lên 96% năm 2005. Vụ mùa, tăng trà mùa sớm lên 25,1% và mùa trung 70,4%, mùa muộn 4,6%.

Cơ cấu giống cũng có chuyển biến mạnh mẽ, các địa phương trong tỉnh đã tích cực đưa nhanh các giống lúa mới, giống lúa thuần, giống lúa lai có năng suất cao vào sản xuất trên địa bàn tỉnh như lúa lai 2 dòng, 3 dòng, Khang dân 18, Q5, thay các giống cũ có năng suất thấp; tăng tỷ lệ diện tích lúa lai ở vụ đông xuân, chiếm 41,4% năm 2005, tăng 11% so với năm 2002 và giảm dần trong cơ cấu vụ mùa còn 33,8% so với năm 2004.

Các giống lúa có chất lượng cao, có giá trị hàng hoá như Bắc thơm số 7, HTL, LT2, DTI22, nếp IR352, Japonica. Các giống lúa mới có năng suất cao CV1, MT 508-1 cũng được đưa vào sản xuất từ năm 2004. Tổng diện tích gieo trồng các loại cây hàng năm đạt 97.677 ha; trong đó cây lúa chiếm 75.573 ha⁽¹⁾.

(1). Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nam. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch năm 2001 và triển khai kế hoạch năm 2002, ngày 21-12-2001, tr. 2.

Năng suất lúa tăng từ 105 tạ/ha năm 2001 lên 108,2 tạ/ha năm 2004, do vậy tuy một phần diện tích đất nông nghiệp đã chuyển sang xây dựng khu đô thị, khu công nghiệp của tỉnh, của huyện nhưng tổng sản lượng lương thực vẫn đạt và vượt kế hoạch. Tổng sản lượng lương thực bình quân 5 năm đạt 419.000 tấn/năm, tăng 5,9% so với bình quân các năm (1997-2000). Đây là một thành công rất lớn của Hà Nam trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo tinh thần Nghị quyết số 03-NQ/TU. Diện tích cây vụ đông tăng từ 11.805 ha năm 2001 lên 14.010 ha năm 2005, đạt 107,8% kế hoạch. Nét mới trong sản xuất vụ đông là đã chuyển mạnh theo hướng sản xuất hàng hoá và phục vụ xuất khẩu như đậu tương, bí xanh, dưa chuột bao tử, khoai lang, khoai tây, ngô, đặc biệt là diện tích đậu tương trên đất 2 vụ lúa phát triển.

Việc trồng, chăm sóc, khoanh nuôi tái sinh rừng, bảo vệ rừng có nhiều tiến bộ, trong nhân dân tích cực cải tạo vườn tạp, xây dựng vùng cây ăn quả đặc sản có giá trị kinh tế cao. Trong 5 năm, toàn tỉnh trồng mới được 840 ha rừng, bình quân đạt từ 700.000-800.000 cây các loại/năm.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm đạt mức tăng trưởng khá và chuyển mạnh sang sản phẩm hàng hoá như nuôi bò thịt, bò sữa, lợn hướng nạc, ba ba, tôm càng xanh. Đàn lợn tăng từ 288.178 con năm 2001, lên 369.776 con năm 2005. Đàn bò từ 28.178 con năm 2001, lên 42.357 con năm 2005. Đàn trâu đạt 5.080 con năm 2001, giảm 2,2% so với năm 2000. Đàn gia cầm tăng 2.700.000 con năm 2001, lên 3.413.000 con năm 2005. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng tăng từ

22.140 tấn năm 2001 lên 31.509 tấn năm 2005. Từ năm 2003, dự án chăn nuôi bò sữa được triển khai đã mở ra hướng đi mới cho phát triển chăn nuôi của tỉnh. Đến năm 2005, tổng đàn có 352 con, tăng 2,3 lần so với thời điểm thực hiện dự án. Sản lượng sữa đạt 825 tấn năm 2005. Các dự án lớn về chăn nuôi thủy sản xã Khả Phong, huyện Kim Bảng; Mỹ Thọ, huyện Bình Lục; Thanh Hải, huyện Thanh Liêm được triển khai hiệu quả. Trung tâm giống thủy đặc sản Đông Văn được đầu tư nâng cấp đáp ứng một phần nhu cầu về giống trên địa bàn tỉnh. Năm 2005, diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản có 5.349,8 ha, sản lượng thủy sản đạt 11.500 tấn, gấp 2,36 lần so với năm 2000. Đặc biệt một số hộ chuyển đổi diện tích đất nông nghiệp sang nuôi tôm càng xanh cho thu nhập từ 100-150 triệu đồng/ha/năm.

Từ cuối năm 2004, xảy ra dịch cúm gia cầm trên địa bàn một số địa phương trong tỉnh, Đảng bộ đã chỉ đạo các ngành chức năng làm tốt công tác phòng trừ dịch bệnh cho gia súc, gia cầm. Tổ chức tốt các đợt tiêm phòng vắc-xin cúm gia cầm đạt hơn 96% tổng đàn gia cầm, thủy cầm, giảm thiệt hại ở mức thấp nhất, đồng thời triển khai ngay các biện pháp nhân giữ giống gốc, đáp ứng kịp thời nhu cầu về con giống sau dịch.

Nhìn chung cơ cấu kinh tế nội bộ ngành nông nghiệp có chuyển biến quan trọng, tăng tỷ trọng chăn nuôi, thủy sản từ 23,2% năm 2000, lên 31,3% vào năm 2005, giảm tỷ trọng trồng trọt từ 72,6% năm 2000, xuống còn 66,2% năm 2005. Điều đáng ghi nhận là chăn nuôi, thủy sản từng bước trở thành ngành chính trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh.



*Trang trại chăn nuôi lợn tập trung Tuấn - Hiện ở thôn Ngái Trì, xã
Liên Tuyên, huyện Thanh Liêm, năm 2005*

Công tác thủy lợi, đề điều được chú trọng đầu tư xây dựng và tu bổ phục vụ sản xuất nông nghiệp. Các chiến dịch thủy lợi đông xuân được triển khai sớm, hoàn thành vượt mức kế hoạch đào đắp đê sông lớn, sông con, nạo vét kênh mương và sửa chữa các công trình đầu mối, xử lý một số sự cố đột xuất, sạt lở tại đê Hoàn Uyển, huyện Duy Tiên năm 2001, thực hiện các công trình kênh I 48, kênh đông Như Trác, I 3-2-3, kênh I 3-4, I 4-12, KTB chính tây. Phối hợp với 3 tỉnh Hà Tây, Nam Định, Ninh Bình tổ chức hội nghị liên tịch bàn về quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Châu. Bình quân hằng năm nạo vét hơn 1 triệu m³ kênh mương nội đồng. Chỉ tính riêng năm 2005, khối lượng đào đắp, nạo vét đạt 1.117.563 m³, đạt 111,7% kế hoạch các tuyến kênh loại I, II, III. Năm 2004, trồng được 3.594 cụm tre chắn sóng, đạt kế hoạch đề ra, hoàn thành gia cố mặt đê tả ngạn sông Đáy khu vực huyện Kim Bảng, đê hữu ngạn sông Hồng địa phận huyện Lý Nhân. Trong năm 2005, hoàn thành việc xây dựng, trình duyệt và triển khai các dự án lớn về quy hoạch thủy lợi của tỉnh đến năm 2010, cứng hoá mặt đê, các dự án thuộc vùng phân lũ sông Đáy.

Công tác định canh, định cư và kinh tế mới được triển khai tích cực. Trong 5 năm, đã tiến hành di dân nội tỉnh hàng trăm hộ của 2 huyện Kim Bảng, Thanh Liêm. Đưa 195 lao động vào lập nghiệp tại các tỉnh Kon Tum, Bình Phước, Binh đoàn 16 - Tây Nguyên.

Những kết quả đạt được trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp có ý nghĩa hết sức quan trọng đảm bảo thực hiện và hoàn thành các mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI

đề ra. Tuy nhiên, chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp còn chậm, tỷ trọng dịch vụ trong cơ cấu nông nghiệp còn thấp. Sản xuất hàng hoá tập trung chưa nhiều, chưa tạo ra khối lượng hàng hoá lớn, chất lượng hàng hoá chưa cao, khả năng cạnh tranh của nông sản hàng hoá còn thấp, tiêu thụ khó khăn. Sản xuất còn nhỏ lẻ, manh mún, nhất là chăn nuôi gia súc, gia cầm trong các địa bàn dân cư, gây khó khăn cho công tác phòng trừ dịch bệnh, ô nhiễm môi trường. Việc nhân các mô hình xây dựng cánh đồng đạt 50 triệu đồng/ha/năm, hộ nông dân đạt 50 triệu đồng/năm còn chậm.

Đến năm 2002, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề đã đạt được kết quả bước đầu quan trọng, tốc độ tăng trưởng khá, giá trị sản xuất đạt gấp 5 lần so với năm 1997. Một số khu công nghiệp, cụm công nghiệp từng bước được hình thành và đi vào hoạt động, nhiều làng nghề được củng cố và phát triển, tạo việc làm cho hàng chục ngàn lao động, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá.

Tuy vậy, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp địa phương phát triển còn chậm, bình quân giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn tăng 33,3%/năm. Quy mô sản xuất nhỏ bé, phân tán, hiệu quả thấp, tiêu thụ sản phẩm và xuất khẩu còn nhiều khó khăn. Tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm, chủ trương của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề, gắn phát triển kinh tế với củng cố an ninh, quốc phòng, ngày 02-5-2003, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ra Nghị quyết số 08-NQ/TU về *Đẩy mạnh*

phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Nghị quyết đề ra phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu là: Tạo điều kiện thuận lợi nhất để khuyến khích đầu tư, phát triển tiềm năng, thế mạnh và các nguồn lực, đẩy mạnh tốc độ phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Tập trung phát triển mạnh các ngành, lĩnh vực có nhiều lợi thế, ngành nghề thu hút được nhiều lao động và những cơ sở sản xuất làm vệ tinh cho các trung tâm công nghiệp, vùng kinh tế trọng điểm.

Đẩy mạnh phát triển sản xuất vật liệu xây dựng, ưu tiên mọi điều kiện thuận lợi để công nghiệp Trung ương phát triển trên địa bàn. Đầu tư công nghệ, mở rộng sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm của các cơ sở sản xuất kinh doanh hiện có, đồng thời khuyến khích xây dựng các cơ sở sản xuất mới, mở rộng kinh tế đối ngoại, chú trọng củng cố, khôi phục và phát triển mạnh ngành nghề và làng nghề truyền thống có khả năng xuất khẩu đi đôi với phát triển ngành nghề mới ở nông thôn.

Từ phương hướng trên, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh còn đề ra các biện pháp chủ yếu về quy hoạch và tổ chức sản xuất, sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp Nhà nước, mở rộng phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ thuộc các thành phần kinh tế, về cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư, về mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm trong, ngoài nước và tham gia hội nhập.

Đến năm 2005, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của tỉnh có tốc độ tăng trưởng cao, nhất là công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp địa phương, đã góp phần tích cực vào sự tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Công nghiệp vật liệu xây dựng phát triển nhanh, đang trở thành

ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh với các sản phẩm chủ yếu như xi măng tăng bình quân 7,8%/năm; đá các loại tăng 19,6%/năm; bột nhẹ tăng 39,7%/năm. Bình quân 5 năm, giá trị sản xuất công nghiệp tăng 20,3%/năm. Trong đó, khu vực công nghiệp quốc doanh Trung ương tăng từ 1.052,6 tỷ đồng năm 2000, lên 1.249 tỷ đồng năm 2005. Khu vực công nghiệp quốc doanh địa phương tăng từ 113,1 tỷ đồng năm 2000, lên 127,5 tỷ đồng. Khu vực ngoài quốc doanh (dân doanh) đạt 1.366 tỷ đồng, chiếm 47,6% tổng giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn, tăng 54,4% so với năm 2004. Cũng từ năm 2005, Hà Nam có thêm khu vực công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cùng đồng hành với các thành phần kinh tế của tỉnh, giá trị sản xuất khu vực này đạt 128 tỷ đồng, tăng gấp 2,8 lần so với năm 2004 và đạt 256,6% kế hoạch năm. Tuy nhiên, khu vực này mới chiếm tỷ trọng nhỏ (khoảng 4,5%) trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn. Năm 2005, tổng giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh đạt 2.871 tỷ đồng, tăng 21,96 % so với năm 2004, vượt 1,2% so với kế hoạch.

Một số doanh nghiệp ngoài quốc doanh như Công ty dệt Hà Nam, dệt Châu Giang, Tổ hợp đúc thép Hoà Cường; các doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hoá như Khoáng sản Hà Nam, gạch Khả Phong hoạt động có hiệu quả.

Cũng trong năm 2005, tỉnh đã lập dự án quy hoạch điều chỉnh phát triển công nghiệp Hà Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.

Điểm nổi bật trong 5 năm (2001-2005), Đảng bộ tỉnh đã tập trung chỉ đạo quy hoạch và xây dựng các khu công

nghiệp, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thu hút đầu tư. Toàn tỉnh đã quy hoạch được 5 khu công nghiệp: Đồng Văn I, II, Châu Sơn, Hoàng Đông, Tây Nam thị xã Phủ Lý. Các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp như Hoà Hậu, huyện Lý Nhân; Nam Châu Sơn, Biên Hoà, thị xã Phủ Lý; Cầu Giát, huyện Duy Tiên; 9 cụm tiểu thủ công nghiệp - làng nghề như: Nhật Tân, Kim Bình, Thi Sơn, huyện Kim Bảng; Thanh Lưu, huyện Thanh Liêm; Ngọc Động, xã Hoàng Đông, huyện Duy Tiên với 1.160 ha. Trong tỉnh đã có 65 doanh nghiệp đăng ký đầu tư với số vốn 9.700 tỷ đồng và 6,2 triệu USD, 31 doanh nghiệp đã đi vào hoạt động, giải quyết việc làm cho trên 5.000 lao động và sản xuất được nhiều mặt hàng mới đưa ra thị trường.

Công nghiệp chế biến nông sản, may mặc, giày vải, ngành nghề, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề tiếp tục phát triển cả về quy mô và giá trị sản lượng như sản phẩm bia - nước giải khát, sản phẩm dệt, quần áo may sẵn.

Công nghiệp tuy có tốc độ tăng trưởng cao, nhưng giá trị còn thấp, quy mô sản xuất nhỏ bé, thiết bị công nghệ ở mức trung bình, năng suất và sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá còn thấp. Ngành nghề tiểu thủ công nghiệp trong nông thôn còn manh mún, chưa khai thác và phát huy tốt tiềm năng và thế mạnh trong nông nghiệp, nông thôn.

Các thành phần kinh tế tham gia hoạt động thương mại đã tạo nên một thị trường thống nhất, đáp ứng được cơ bản nhu cầu sản xuất, tiêu dùng của nhân dân trong tỉnh.

Mạng lưới chợ ngày càng được củng cố và nâng cấp, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu về nguyên liệu, vật tư

cho sản xuất và trao đổi hàng hoá của nhân dân. Năm 2005, chợ Trấn, thị xã Phủ Lý - chợ trung tâm của tỉnh được hoàn thành và đưa vào khai thác, kinh doanh đạt hiệu quả cao, hàng hoá đa dạng, mẫu mã đẹp, chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu, thị hiếu người tiêu dùng.

Mặt hàng bia, nước giải khát ngày càng được đầu tư công nghệ hiện đại và có bước phát triển, tăng từ 6,3 triệu lít năm 2002, lên 22,2 triệu lít năm 2005 và đạt doanh thu 128 tỷ đồng.

Hoạt động xuất nhập khẩu có bước tiến mới. Các doanh nghiệp đã chủ động tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm với các mặt hàng xuất khẩu chính như hàng may mặc, thêu ren, mây, giang đan, nông sản chế biến, hàng thủ công mỹ nghệ. Ngoài ra các doanh nghiệp còn khai thác một số mặt hàng khác ngoài địa bàn để xuất khẩu như gạo, hoa quả. Tổng giá trị hàng hoá xuất khẩu tăng từ 26.840.000 USD năm 2002 lên 39.200.000 USD năm 2005. Tính chung, giá trị hàng hoá xuất khẩu bình quân 5 năm tăng 11,7%/năm, vượt 1,7% so với chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ lần thứ XVI. Tuy vậy hàng hoá nhập khẩu còn ít, chủ yếu là máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Hoạt động quảng bá, giới thiệu, kêu gọi xúc tiến đầu tư du lịch được triển khai tích cực. Kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch của tỉnh được quan tâm đầu tư phát triển. Các dự án du lịch được triển khai với tốc độ nhanh như khu du lịch Bến Thủy, bến xe đi chùa Hương, Ngũ Động Sơn, hang Luồn. Trong năm 2005, tỉnh đã lập dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu du lịch sinh thái Tam Chúc thuộc xã Ba Sao, huyện Kim Bảng và được Chính phủ phê duyệt.

Các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh du lịch - dịch vụ được củng cố và phát triển, địa bàn hoạt động ngày càng được mở rộng, kinh doanh theo đúng quy định, đáp ứng được nhu cầu của khách du lịch. Các chuyến, tuyến nối liền Hà Nam với các tỉnh bạn được duy trì hiệu quả, thu hút ngày càng đông du khách đến với Hà Nam tham quan, du lịch và xúc tiến đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Số lượt khách du lịch không ngừng tăng, từ 12.000 lượt người năm 2001, lên 42.566 lượt người năm 2005. Tổng doanh thu du lịch của tỉnh tăng 31,6%/năm.

Song nhìn tổng thể, thương mại, du lịch, dịch vụ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Công tác xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường còn yếu. Thu hút đầu tư phát triển du lịch còn hạn chế. Kim ngạch xuất khẩu còn nhỏ, đạt thấp so với bình quân chung của cả nước. Dịch vụ phát triển chậm, một số ngành chất lượng hoạt động chưa cao.

Ngành Bưu điện không ngừng đổi mới về tổ chức, nâng cao năng lực cạnh tranh, đảm bảo phát triển bền vững, hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch. Năm 2004, kế hoạch doanh thu đạt 85.128 triệu đồng, đạt 111% so với kế hoạch, tăng 37% so với năm 2003. Phát triển mới 10.000 máy điện thoại cố định, đạt 111% kế hoạch; 1.750 máy điện thoại di động trả sau, đạt 194% kế hoạch, đưa tổng số máy điện thoại của toàn tỉnh lên 49.000 máy, đạt 6 máy/100 dân.

Mạng lưới tín dụng, ngân hàng phát triển, mở rộng, nâng cao chất lượng hoạt động kinh doanh. Huy động vốn tại chỗ hàng năm tăng 20%, vượt chỉ tiêu Đại hội 12%.

Tổng dư nợ cho vay phát triển kinh tế tăng bình quân 12%/năm, vượt chỉ tiêu Đại hội 2%, trong đó dư nợ cho vay chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn tăng 36%/năm; cho vay xoá đói, giảm nghèo tăng 20%/năm.

Xác định vị trí chính trị quan trọng, trung tâm kinh tế, văn hoá, xã hội của tỉnh, ngày 20-12-2004, Tỉnh uỷ ra Nghị quyết số 14-NQ/TU *Về việc xây dựng và phát triển thị xã Phú Lý đến năm 2010*. Trên cơ sở xác định phương hướng xây dựng thị xã, Nghị quyết đề ra mục tiêu cơ bản là: Đến năm 2008, thị xã Phú Lý được công nhận là đô thị loại III; đến năm 2010, được công nhận là thành phố trực thuộc tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết 14-NQ/TU, Đảng bộ thị xã Phú Lý đã chủ động kết hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành trong tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, nhằm khai thác, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá và đô thị hoá. Phát triển, mở rộng và đa dạng hoá mạng lưới thương mại, dịch vụ, du lịch như trung tâm thương mại của tỉnh, hệ thống chợ, nâng cấp khách sạn Hoà Bình, dự án khu du lịch sinh thái Phù Vân, Lam Hạ. Xây dựng và hoàn chỉnh quy hoạch tổng thể không gian đô thị, quản lý đô thị và phát triển kết cấu hạ tầng. Đẩy mạnh đầu tư, nâng cấp chỉnh trang đô thị, đi đôi với xây dựng mới các khu đô thị theo tiêu chí văn minh, hiện đại như: Nam Châu Giang, Nam Trần Hưng Đạo, Châu Sơn - Lê Hồng Phong...

Nghị quyết số 06-NQ/TW, ngày 10-11-1998 về một số vấn đề phát triển nông nghiệp và nông thôn của Bộ Chính trị (khoá VIII) yêu cầu phải nhanh chóng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, bồi dưỡng sức dân, xây dựng giai cấp nông dân vững mạnh; Nghị quyết Trung ương 5 (khoá IX) về đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2001-2010; Chỉ thị số 02-CT/TU, ngày 6-3-2002 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng đối với công tác xây dựng và quản lý quy hoạch giao thông nông thôn, quản lý hành lang bảo vệ công trình giao thông đường bộ, đường sắt, đường thuỷ nội địa, đã tạo động lực tiếp tục khơi dậy tiềm năng, cùng sức dân, đồng thời với mức hỗ trợ của tỉnh 35% cho đường liên thôn, 50% cho đường liên xã (từ năm 2000), đã tạo thế và lực cho phong trào và trong việc thực hiện mục tiêu chất lượng đường là xây dựng đúng quy hoạch, đảm bảo bền vững cho tương lai, đường huyện, xã kết cấu nhựa hoặc bê tông, đường thôn xóm kết cấu bê tông, đường ra đồng rải đá cấp phối.

Trên cơ sở xác định phương hướng quy hoạch phát triển giao thông vận tải của toàn tỉnh và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, các xã đã thực hiện việc quy hoạch mạng lưới giao thông liên hoàn, nối các khu dân cư, các trung tâm kinh tế - xã hội vào mạng giao thông khu vực. Uỷ ban nhân dân huyện phê duyệt quy hoạch cho đến xã. Các huyện, thị, xã, thị trấn thực hiện phân loại đường, cấp kỹ thuật, hành lang bảo vệ, chỉ giới giải toả, giới hạn trọng lượng xe đối với từng tuyến đường.

Công tác quản lý và thực hiện quy hoạch được triển khai bằng Quyết định 494/QĐ-UB, ngày 20-6-2000 của

Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hành lang bảo vệ, phạm vi giải toả đối với từng tuyến quốc lộ, tỉnh lộ và quy hoạch chung đối với từng loại đường giao thông nông thôn để làm cơ sở cho các huyện, xã quyết định cho việc xác định phạm vi quản lý. Đến 8-2004, đã cắm xong 4.016 mốc đường quốc lộ, tỉnh lộ đạt 100% kế hoạch, các huyện cắm được 2.002 mốc đường huyện, đạt 41,8% kế hoạch, các xã cắm được 3.787 mốc đường xã, đạt 13,6% kế hoạch. Đến hết năm 2005, cả 6 huyện, thị xã tổ chức kiểm kê, đo đạc, khảo sát, lập hồ sơ hiện trạng hành lang an toàn giao thông, lên bình đồ duỗi thẳng được 8.672 trường hợp.

Phong trào xây dựng đường giao thông tiếp tục được duy trì, từ năm (2002-2005) toàn tỉnh làm được 546,8 km đường. Trong đó có 34,11 km đường nhựa, 310,9 km đường bê tông, gần 202 km đường cấp phối.

Trong 5 năm (2001-2005), đã hoàn thành, đưa vào sử dụng 5 công trình cầu lớn vượt sông Đáy, sông Nhuệ, sông Châu: cầu Phủ Lý, Ba Đa, Cầu Tử, Khả Phong, Bông Lạng; bến xe trung tâm, đường nội thị thị xã Phủ Lý, quốc lộ 38. Đẩy nhanh tiến độ thi công 3 tuyến đường quan trọng của tỉnh là: 971, 9710, 9718; hoàn thành nâng cấp 53 km tỉnh lộ, 1.245 km đường giao thông nông thôn. Các dự án đường cao tốc Bắc - Nam, đường vành đai từ thị xã Phủ Lý nối với đường cao tốc, cầu Phù Vân, nút giao Đồng Văn, mở rộng Quốc lộ 1A đoạn Đồng Văn - Phủ Lý được khởi công xây dựng.

Tổng số vốn đầu tư cho xây dựng đường giao thông là 99.980 triệu đồng. Trong đó nhân dân đóng góp 44.907

triệu đồng, còn lại là ngân sách hỗ trợ của tỉnh quy đổi một phần từ xi măng, nguồn vốn dự án Ngân hàng thế giới và một số nguồn vốn khác (19.322 triệu). Đến năm 2004, hệ thống đường giao thông toàn tỉnh có 4.343 km.

Các lực lượng chức năng đã thực hiện tốt công tác quản lý hành lang bảo vệ các công trình giao thông. Hàng năm, tổ chức các đợt ra quân giải toả hành lang giao thông. Ba năm (2002-2004), trong tỉnh đã giải toả 1.174 lều quán, kiốt, mái che, tháo dỡ 372 biển quảng cáo, giải toả 575 hộ buôn bán vật liệu xây dựng, giải toả 6 tụ điểm chợ cóc, phát quang 115,75 km tầm nhìn.

Công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường sông được tiến hành thường xuyên. Hệ thống đèn tín hiệu (giai đoạn I) tại thị xã Phủ Lý được triển khai xây dựng. Việc duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa đường giao thông được tiến hành theo kế hoạch, đảm bảo cho việc tham gia giao thông của người và phương tiện được thuận lợi. Trong năm 2005, toàn tỉnh đã đầu tư 4.413 triệu đồng cho việc sửa chữa, bảo dưỡng đường giao thông. Tuyến xe buýt Hà Nội - Hà Nam được đưa vào hoạt động, bước đầu đạt hiệu quả. Khối lượng vận chuyển hành khách đạt hơn 2 triệu người, năm 2005 đạt 129,9% kế hoạch, khối lượng hàng hoá vận chuyển 2.355 nghìn tấn, đạt 134,5% kế hoạch, đạt 125,6% so với cùng kỳ.

Các hạng mục công trình phục vụ sản xuất cũng được tăng cường đầu tư: kiên cố hoá 200 km kênh mương, 24 trạm bơm; trụ sở làm việc cấp xã, phường, thị trấn, trường

học, bệnh viện, trạm y tế, bưu chính viễn thông, phát thanh, truyền thanh, điện, nước đạt tỷ lệ 74%, vượt chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đề ra.

Tính chung, tổng số vốn đầu tư huy động toàn xã hội trong 5 năm (2001-2005) đạt 5.454 tỷ đồng, bình quân đạt 1.090 tỷ đồng/năm, tăng 26% so với nhiệm kỳ trước.

Các thành phần kinh tế được tạo điều kiện thuận lợi để phát triển. Đến năm 2005, Hà Nam đã cơ bản hoàn thành việc sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp Nhà nước. Phần lớn các doanh nghiệp sau khi chuyển đổi đã tổ chức sản xuất, kinh doanh có hiệu quả. Kinh tế tư nhân, doanh nghiệp ngoài quốc doanh và hộ kinh doanh cá thể phát triển, đóng góp tích cực cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh, tạo thêm nhiều việc làm mới và xoá đói, giảm nghèo. Các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp và phi nông nghiệp sau chuyển đổi theo Luật Hợp tác xã hoạt động chất lượng hơn, có nhiều mô hình mới về phát triển kinh tế trang trại, hợp tác xã dịch vụ chuyên ngành.

Công tác khoa học, công nghệ và môi trường có chuyển biến tích cực. Đã có nhiều tiến bộ ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hoá, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý Nhà nước và hoạt động các cơ quan Đảng. Tỉnh đã ban hành quy định ưu đãi sử dụng, đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật giỏi về địa phương công tác. Trong 5 năm đã có 92 đề tài khoa học, trong đó có 5 dự án thuộc Bộ Khoa học-Công nghệ và 87 đề tài, dự án khoa học cấp tỉnh.

Công tác bảo vệ môi trường được quan tâm, Đảng bộ đã chỉ đạo ngành chức năng xây dựng quy hoạch bảo vệ môi trường giai đoạn (2001-2010) và kế hoạch bảo vệ môi trường giai đoạn (2001-2005), trong đó đặc biệt chú trọng công tác bảo vệ môi trường sông Nhựê và sông Đáy.

Đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Nghị quyết Trung ương 2 (khoá VIII), kết luận Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX), Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, sự nghiệp giáo dục - đào tạo của tỉnh tiếp tục phát triển cả về quy mô và chất lượng. Trong 5 năm, toàn tỉnh luôn củng cố và phát huy thành quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở, xây dựng mạng lưới trường lớp theo tiêu chuẩn quốc gia, kiên cố hoá trường học, lớp học, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đẩy mạnh quy trình xã hội hoá giáo dục, đổi mới công tác quản lý giáo dục, chấn chỉnh kỷ cương nề nếp. Từ năm học 2002-2003, trong tỉnh triển khai chương trình thay sách giáo khoa mới ở bậc tiểu học và trung học cơ sở. Toàn ngành giáo dục đã duy trì, củng cố hệ thống trường lớp, sắp xếp và mở rộng hợp lý quy mô, phát triển về số lượng đáp ứng yêu cầu học tập của con em nhân dân. Trong 5 năm, thành lập thêm 10 trường học ở các bậc học. Giáo dục mầm non có tổng số 120 trường, trong đó có 8 trường công lập, còn lại là trường dân lập. Số cháu ra nhà trẻ đạt bình quân hơn 40% tổng số cháu trong độ tuổi và hơn 90% số cháu mẫu giáo ra lớp, trong đó trẻ 5 tuổi đạt 100%. Việc tăng tỷ lệ trẻ đi

học mẫu giáo, đặc biệt là mẫu giáo 5 tuổi tạo điều kiện chuẩn bị về thể chất, tâm lý và kỹ năng ban đầu cho trẻ trước khi bước vào bậc tiểu học.

Năm học 2002-2003, bậc tiểu học có 139 trường với 76.110 học sinh. Học sinh đi học đúng độ tuổi đạt 99,8%. Ngành học luôn duy trì chương trình mục tiêu chống tái mù chữ và ổn định phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi. Do vậy trong các năm học, các tiêu chuẩn phổ cập giáo dục cấp tiểu học đạt ở mức cao, khẳng định kết quả phổ cập giáo dục đúng độ tuổi vững chắc của tỉnh. Cấp trung học cơ sở có 120 trường, với 1.521 lớp, hơn 70.000 học sinh. Công tác phổ cập trung học cơ sở với nhiều giải pháp quan trọng tiếp tục được duy trì, giữ vững và phát huy kết quả đã đạt được.

Hà Nam là một trong 2 tỉnh đầu tiên của cả nước có 100% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở và là một trong những tỉnh đi đầu trong cả nước về xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

Bậc trung học phổ thông có 22 trường (17 trường công lập, 4 trường dân lập và 1 trường bán công) với hơn 24.000 học sinh và gần 400 lớp.

Giáo dục thường xuyên luôn phát huy hiệu quả, góp phần tích cực vào nhiệm vụ phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở. Năm học 2004-2005 có 9.858 học viên các cấp. Giáo dục chuyên nghiệp đã có nhiều nỗ lực trong việc đáp ứng yêu cầu học tập của học sinh, sinh viên, đảm bảo chỉ tiêu, cơ cấu và loại hình đào tạo. Ngành còn tích

cực hỗ trợ các trường đại học, mở các lớp đại học không chính quy tại địa phương góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Thực hiện nhiệm vụ giáo dục theo hướng chuẩn hoá, xã hội hoá, hiện đại hoá, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, đến năm học 2004-2005, toàn tỉnh có 134 trường đạt chuẩn quốc gia, trong đó có 96 trường tiểu học, 22 trường mầm non, 15 trường trung học cơ sở, 1 trường trung học phổ thông. Hệ thống đào tạo nghề được mở rộng, chất lượng được nâng lên. Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 17,2% năm 2000 lên 30,3% vào năm 2005. Chất lượng giáo dục toàn diện có chuyển biến tích cực, một số mặt được nâng lên rõ rệt. Toàn ngành thực hiện nghiêm túc chương trình kế hoạch giáo dục - đào tạo. Các cơ sở giáo dục mầm non tiếp tục thực hiện đổi mới hình thức tổ chức giáo dục trẻ 5 tuổi và thí điểm ở diện hẹp đối với trẻ 3, 4 tuổi theo các chuyên đề như “Nâng cao chất lượng giáo dục, làm quen với việc học chữ viết”; “Nâng cao chất lượng giáo dục dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm”... Tiếp tục đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, từ năm 2002, toàn tỉnh tổ chức bồi dưỡng, tập huấn chương trình sách giáo khoa mới cho 100% giáo viên lớp 1, lớp 6, tổ chức thao giảng, hội giảng, hội thảo, rút kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

Thực hiện nhiệm vụ giáo dục toàn diện, các trường tiếp tục tăng cường kỷ cương, nề nếp, xây dựng môi trường giáo dục trong sạch, lành mạnh. Công tác giáo dục tư

tưởng, chính trị, đạo đức, nhân cách, giáo dục truyền thống quê hương, đất nước, truyền thống nhà trường được coi trọng. Chất lượng giảng dạy các môn lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục công dân, giáo dục đạo đức được nâng cao.

Chất lượng dạy và học các môn văn hoá không ngừng được nâng cao cả đại trà và học sinh giỏi. Toàn ngành đã tập trung thực hiện nhiệm vụ đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh, sinh viên. Kết quả thi tốt nghiệp ở các cấp học đều đạt 96% trở lên.

Chương trình giáo dục thể chất, quốc phòng, hướng nghiệp, dạy nghề, môi trường, phòng chống tệ nạn xã hội được thực hiện nghiêm túc theo quy định, góp phần giáo dục toàn diện cho học sinh, sinh viên. Nhìn chung, sinh viên, học sinh có ý thức tốt hơn trong rèn luyện về tư tưởng, trau dồi đạo đức, lý tưởng, có ý thức vươn lên trong học tập và rèn luyện.

Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi được coi trọng từ khâu phát hiện, tuyển chọn, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ giáo viên giỏi. Năm học 2004-2005, toàn tỉnh có 41 giải thi học sinh giỏi lớp 12 cấp quốc gia, có 3 học sinh đạt giải cao môn Toán, Vật lý, Hoá học, được Bộ Giáo dục - Đào tạo tuyển một số học sinh đi thi Olympic quốc tế. Các cuộc thi giải toán trên máy tính CASIO, thi Olympic toán sinh viên các trường Cao đẳng sư phạm toàn quốc, viết thư UPU quốc tế đều giành được giải cao cấp quốc gia.

Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xã hội hoá giáo dục, Hội khuyến học từ tỉnh đến cơ sở đã góp phần tích cực vào việc khuyến học, khuyến tài và hỗ trợ phong trào học tập từ cơ sở. Từ năm 2003, thực hiện phong trào: “Toàn dân xây dựng xã hội học tập”, các xã, phường, thị trấn từng bước xây dựng trung tâm học tập cộng đồng. Đến tháng 12 năm 2005, có 109/116 xã, phường, thị trấn xây dựng được trung tâm học tập cộng đồng, đạt 93%, tạo điều kiện và cơ hội học tập cho các đối tượng có nhu cầu, hướng tới mục tiêu xây dựng một xã hội học tập. Các huyện Thanh Liêm, Kim Bảng, Lý Nhân, Bình Lục, Duy Tiên đều có 100% số xã, thị trấn thành lập được trung tâm học tập cộng đồng⁽¹⁾.

Cuộc vận động “Dòng họ khuyến học, gia đình khuyến học” đã có ý nghĩa lớn, khích lệ tinh thần học tập trong nhân dân, phát huy truyền thống hiếu học của quê hương. Các cơ sở hội đã phối hợp cùng các dòng họ trợ cấp cho hàng ngàn lượt giáo viên có hoàn cảnh khó khăn để học tập, giảng dạy tốt, tặng quà, tặng quỹ học bổng và khen thưởng cho hàng chục nghìn lượt giáo viên và học sinh các cấp⁽²⁾.

(1). Báo cáo Đại hội khuyến học tỉnh Hà Nam (nhiệm kỳ 2001-2005), tại Đại hội đại biểu Hội Khuyến học toàn tỉnh lần thứ hai, ngày 3-4/4/2006. Lưu Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ.

(2). Tỉnh uỷ Hà Nam: Báo cáo sơ kết 3 năm thực hiện Chỉ thị 50 của Bộ Chính trị (khoá VIII) về công tác khuyến học (14-1-2003) - Lưu Văn phòng Tỉnh uỷ Hà Nam.

Vì vậy phong trào khuyến học phát triển sâu, rộng từ các dòng họ đến các gia đình, từ các trường học đến các cơ quan, doanh nghiệp. Nhiều gia đình đăng ký trở thành gia đình hiếu học. Một số đơn vị có những sáng kiến khuyến học đạt hiệu quả thiết thực như phường Lương Khánh Thiện, thị xã Phú Lý duy trì tiếng kèng học tập cho học sinh và thực hiện mô hình phường “5 không”⁽¹⁾; Hội Khuyến học xã Phù Vân phối hợp Hội Phụ nữ tổ chức lớp học tình thương, xoá mù chữ cho 32 học sinh thuộc nhiều lứa tuổi; Hội Khuyến học xã Nhật Tân, huyện Kim Bảng xây dựng phòng truyền thống hiếu học, lập sổ vàng của dòng họ, của xã, để giáo dục cho thế hệ sau phát huy truyền thống hiếu học của cha anh.

Để góp phần xây dựng quỹ khuyến học, từng cấp hội đã có những hình thức vận động khác nhau, đều dựa trên tình thân tự nguyện và quản lý, sử dụng quỹ có hiệu quả. Thông qua quy chế dân chủ và quy ước, hương ước của dòng họ, việc xây dựng quỹ khuyến học đã động viên con cháu chăm ngoan, vượt khó học tập. Huyện Thanh Liêm có xã Thanh Hải đã trồng được hàng cây khuyến học dài 5 km, xã Thanh Bình có “sào ruộng” khuyến học, số thóc thu hoạch được dành để xây dựng quỹ khuyến học. Huyện Kim Bảng đã dành ngân sách cấp bổ sung vào quỹ khuyến học 10 triệu đồng. Đến cuối năm 2002, toàn tỉnh đã xây

(1). Áp dụng theo mô hình của xã Thanh Cao (Hà Tây): Không có học sinh lưu ban, bỏ học; không có tiêu cực ma tuý và tệ nạn xã hội trong trường học; không có người mù chữ, mù nghề; không có trẻ em đến tuổi mẫu giáo ở nhà; không có trẻ em không được chăm sóc, bị suy dinh dưỡng.

dựng được quỹ khuyến học là 1.705 triệu đồng từ sự hỗ trợ của các cơ quan, lực lượng vũ trang, đơn vị sản xuất kinh doanh, tổ chức xã hội, chức sắc tôn giáo, con em Hà Nam ở các tỉnh, thành phố trong cả nước, chung tay vì sự nghiệp khuyến học của tỉnh. Tại hội nghị biểu dương dòng họ khuyến học, gia đình hiếu học ngày 2/12/2004, toàn tỉnh có 11 dòng họ khuyến học và 120 gia đình hiếu học tiêu biểu cho các dòng họ và gia đình hiếu học trong tỉnh. Trong đó có 5 gia đình hiếu học tiêu biểu được chọn đi dự Đại hội tuyên dương gia đình hiếu học toàn quốc.

Tuy nhiên, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học chưa đảm bảo chuẩn hoá, chất lượng giáo dục toàn diện trong trường học còn hạn chế, một bộ phận học sinh học tập còn thụ động, có mặt chưa đáp ứng được yêu cầu về nguồn nhân lực của thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá của nền kinh tế tri thức. Tỷ lệ học sinh khá, giỏi ở cấp trung học phổ thông còn thấp, khâu thực hành ở một số trường còn hạn chế. Đội ngũ giáo viên còn bất cập về cơ cấu và chủng loại ở các bậc học. Chủ trương đa dạng hoá các loại hình trường lớp còn gặp khó khăn, chưa có điều kiện để thực hiện tốt việc phân luồng học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông.

Thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng, hướng dẫn của Bộ Y tế về củng cố y tế cơ sở, về công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân trong tình hình mới, ngày 15-12-2001, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Chỉ thị số 01-CT/TU *Về tăng cường sự lãnh đạo của cấp uỷ Đảng đối với việc thực hiện chiến lược quốc gia về*

chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân, giai đoạn (2001-2010). Chỉ thị nêu rõ: Đẩy mạnh phong trào xã hội hoá các hoạt động y tế. Tổ chức lồng ghép các chương trình chăm sóc bảo vệ sức khoẻ nhân dân với các chương trình phát triển kinh tế-xã hội. Không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả các chương trình y tế quốc gia. Quán triệt và tổ chức thực hiện Chỉ thị số 01-CT/TU, mạng lưới y tế của tỉnh tiếp tục được củng cố, kiện toàn, cơ sở vật chất, trang thiết bị từ tuyến tỉnh đến cơ sở được cải tạo, mở rộng, nâng cấp, tạo điều kiện phục vụ tốt hơn nữa sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ nhân dân.

Các chương trình, mục tiêu quốc gia về y tế được thực hiện với chất lượng ngày càng tốt hơn. Hoạt động y tế dự phòng được đẩy mạnh, thường xuyên tổ chức giám sát dịch, nhất là các ổ dịch lưu hành trên địa bàn tỉnh như sốt xuất huyết, viêm não Nhật Bản, thương hàn. Năm 2004, đã kịp thời phát hiện, khoanh vùng, dập tắt dịch cúm típ A (H5N1) ở huyện Lý Nhân, Thanh Liêm. Các ngành chức năng đã thực hiện tốt công tác vệ sinh phòng bệnh như vệ sinh môi trường, vệ sinh lao động, vệ sinh trường học, triển khai khám bệnh nghề nghiệp cho các cơ sở hoạt động trong môi trường có độc hại. Tăng cường công tác kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm. Hằng năm, có hơn 99% trẻ em dưới 36 tháng tuổi được tiêm chủng đầy đủ. Công tác tuyên truyền, phòng chống và quản lý các bệnh xã hội được tăng cường như: bệnh phong, lao, các bệnh về mắt... Năm 2005, ngành y tế đã tổ chức khám, chăm sóc bệnh về mắt học

đường cho 141.236 lượt học sinh. Mổ đục thủy tinh thể cho 860 trường hợp, đạt 122% kế hoạch năm.

Chất lượng khám, chữa bệnh từng bước được nâng cao ở các cơ sở điều trị từ tuyến tỉnh đến huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn. Năm 2004 - 2005, Bệnh viện đa khoa tỉnh đã triển khai áp dụng nhiều kỹ thuật cao trong chẩn đoán và điều trị: Chụp cắt lớp, nội soi tim mạch, siêu âm, áp dụng thực hiện thành công nhiều phẫu thuật hiện đại như: thoát vị đĩa đệm, vết thương sọ não hở, khâu mạch máu, thay chỏm xương đùi, mổ nội soi...

Tinh thần, thái độ phục vụ người bệnh đã được nâng cao, công tác chăm sóc, điều trị toàn diện được chú trọng, không để xảy ra vi phạm về y đức tại các tuyến, gây được niềm tin trong nhân dân. Bệnh nhân yên tâm điều trị tại bệnh viện tuyến tỉnh ngày càng đông, giảm bớt được lượng bệnh nhân chuyển tuyến, vượt tuyến.

Năm 2005, tuyến tỉnh đã khám cho 121.927 lượt bệnh nhân, đạt 107,9% kế hoạch; tuyến huyện có 1.173.700 lượt bệnh nhân, đạt 106,7% kế hoạch năm.

Trong khám và điều trị, đã kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền, đạt hiệu quả cao. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TW, ngày 30-9-1981 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá IV) về việc củng cố tổ chức và tăng cường công tác của Hội Y học cổ truyền dân tộc Việt Nam trong giai đoạn mới, ngày 02-10-2001, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ban hành Thông tri số 11-TTr/TU về việc tăng cường lãnh đạo công tác đông y, yêu cầu tổ chức Đảng,

chính quyền từ tỉnh đến cơ sở tiếp tục quán triệt và thực hiện tốt quan điểm của Đảng về công tác đông y; củng cố, kiện toàn tổ chức hội các cấp, nhất là các tổ chức hội ở cơ sở, đẩy mạnh vận động, tập hợp, phát triển, quản lý hội viên, khuyến khích các lương y giỏi tham gia phát triển các cơ sở khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe. Ngành y tế và Hội Đông y cộng đồng trách nhiệm, đoàn kết, tương trợ để thực hiện tốt việc kế thừa, phát huy, phát triển y học cổ truyền dân tộc, kết hợp chặt chẽ y học dân tộc với y học hiện đại.

Thực hiện sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, về đẩy mạnh công tác đông y, cấp uỷ, chính quyền các huyện, thị xã và cơ sở đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tạo điều kiện củng cố, phát triển tổ chức hội. Sở Y tế và Hội Đông y tỉnh đã xây dựng quy chế phối hợp công tác giữa hội và ngành, thường xuyên phối hợp tổ chức, quán triệt quan điểm của Đảng về công tác đông y, tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đông y, phối hợp với các địa phương chỉ đạo thực hiện lồng ghép chi hội đông y với trạm y tế xã, xây dựng xã điển hình về y học cổ truyền, góp phần xây dựng xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế. Kết hợp tốt giữa y học hiện đại với y học cổ truyền trong khám, điều trị và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Bệnh viện đa khoa tỉnh và 6 bệnh viện đa khoa huyện, thị xã đều có khoa đông y hoặc bộ phận chữa bệnh bằng phương pháp đông y. Năm 2003, Trung tâm đông y, châm cứu của tỉnh được thành lập (thuộc Văn phòng Hội Đông y tỉnh); thành lập và khởi công xây dựng bệnh viện Đông



Ca mổ nội soi đầu tiên được thực hiện thành công tại Bệnh viện đa khoa tỉnh, ngày 26 tháng 3 năm 2004

y tỉnh (thuộc Sở Y tế), tháng 9-2004 Bệnh viện đông y tỉnh đi vào hoạt động. Hoạt động của Trung tâm đông y - châm cứu và Bệnh viện đông y đã góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khoẻ ngày càng cao của nhân dân.

Mạng lưới y tế cơ sở được quan tâm đầu tư cả về đào tạo đội ngũ và xây dựng cơ sở vật chất. Trong tỉnh có 116 trạm y tế cơ sở được củng cố về đội ngũ. Các trạm đều có đủ cán bộ y tế định biên theo quy định, cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ y tế đảm bảo đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân địa phương. Đến năm 2005, có 62% số trạm y tế có bác sĩ và 35 xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế.

Công tác dân số - gia đình - trẻ em có chuyển biến rõ rệt, chất lượng dân số được cải thiện đáng kể. Tiếp tục triển khai dự án nâng cao chất lượng dân số cộng đồng tại nhiều xã trong tỉnh. Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em của tỉnh đã làm tốt công tác nâng cao chất lượng chăm sóc sức khoẻ sinh sản và kế hoạch hoá gia đình. Một số huyện có nhiều sáng tạo trong việc khắc phục khó khăn về kinh phí để thực hiện tốt các chiến dịch truyền thông lồng ghép tới các xã đạt kết quả cao. Đặc biệt các huyện Duy Tiên, Bình Lục, Thanh Liêm đã chỉ đạo phối hợp triển khai chiến dịch truyền thông với khám bệnh theo dịch vụ chất lượng cao, tạo điều kiện cho người dân được tiếp xúc với các dịch vụ y tế, được chăm sóc sức khoẻ; tổ chức nói chuyện chuyên đề về dân số và phát triển cho cán bộ xã, phường, thị trấn. Nhiều cơ sở đưa mô hình lồng ghép chính sách vào hương ước, quy ước của thôn, làng như xã An

Ninh, Trảng An, Mỹ Thọ, La Sơn, An Lão... của huyện Bình Lục. Mô hình dự án tín dụng gia đình được triển khai ở 5 xã của thị xã Phủ Lý và nhân rộng ra 5 xã của huyện Duy Tiên, đem lại hiệu quả thiết thực, hỗ trợ vốn, tạo việc làm cho hộ gia đình, góp phần xoá đói, giảm nghèo, đồng thời nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cặp vợ chồng trong việc thực hiện chính sách về dân số - gia đình và trẻ em. Do vậy, các chỉ tiêu về dân số- gia đình và trẻ em đều đạt và vượt chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra. Đến năm 2005, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đạt 0,94%, vượt mục tiêu Đại hội; trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng còn 22%, đạt mục tiêu Đại hội Đảng bộ lần thứ XVI đề ra.

Tuy vậy, cơ sở vật chất của bệnh viện, trạm xá và chất lượng khám, chữa bệnh chưa đáp ứng yêu cầu của người bệnh. Mục tiêu, hiệu quả phát triển bảo hiểm y tế toàn dân đạt thấp.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đã đề ra nhiệm vụ cho công tác văn hoá - thông tin: Đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá. Tiếp tục xây dựng, phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, khuyến khích tăng cường đầu tư nghiên cứu, sáng tác văn học nghệ thuật, nâng cao mức hưởng thụ văn hoá cho nhân dân. Do vậy, phong trào xây dựng gia đình văn hoá, làng văn hoá, đơn vị văn hoá nhận được sự ủng hộ và tham gia của nhân dân trong tỉnh. Các cấp uỷ Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các ngành, đoàn thể có nhiều biện pháp sáng tạo trong chỉ đạo, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, lâu dài của cuộc

vận động, trong đó lấy chiến lược con người làm hạt nhân, là nội dung cơ bản của phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư. Trên 4 nội dung cơ bản của gia đình văn hoá, số gia đình đạt chuẩn tăng nhanh về số lượng và chất lượng được nâng cao. Năm 2001, có 120.000 gia đình đạt chuẩn, chiếm 75% số gia đình đăng ký, đến năm 2004 có 163.386 gia đình đạt chuẩn, chiếm 78,1%. Có thể nhận thấy nét đẹp của phong trào xây dựng gia đình văn hoá ở nhiều địa phương trong tỉnh: Phường Lương Khánh Thiện, xã Liêm Chính, thị xã Phủ Lý, xóm 8, Phúc Mãn - xã Phú Phúc, làng Cao - xã Bắc Lý, xã Nhân Bình, Nhân Mỹ, Nhân Nghĩa, huyện Lý Nhân; xã An Ninh, Tràng An, huyện Bình Lục; xã Lê Hồ, Liên Sơn, Đồng Hoá, huyện Kim Bảng; thị trấn Hoà Mạc, xóm Điện Biên - xã Chuyên Ngoại, huyện Duy Tiên; xã Thanh Thủy, Thanh Bình, huyện Thanh Liêm.

Phong trào xây dựng làng văn hoá, tổ phố văn hoá phát triển mạnh, có đời sống văn hoá tinh thần lành mạnh, phong phú. Nhiều làng văn hoá trở thành điển hình trên từng lĩnh vực khác nhau. Thôn Tường Thụy 4, xã Trác Văn điển hình về phát triển kinh tế, xây dựng cánh đồng đạt 50 triệu/ha/năm, hộ gia đình đạt 50 triệu/năm. Thôn Hoàn Dương, xã Mộc Bắc điển hình về giữ vững danh hiệu làng văn hoá ở địa bàn có 3 tôn giáo (đạo Phật, Thiên chúa, Tin lành). Thôn Tứ Giác, xã Duy Hải, huyện Duy Tiên điển hình trong việc cưới, việc tang và vệ sinh môi trường. Xã Nhật Tân, huyện Kim Bảng điển hình trong phong trào khuyến học. Năm 2001, có 824/941 làng xây dựng xong quy ước, hương

ước, đạt 87% so với tổng số làng trong tỉnh. Đến năm 2005, toàn tỉnh có 475 làng, 397 đơn vị và gần 80% số gia đình đạt tiêu chuẩn văn hoá, có 901 quy ước và hương ước văn hoá. 100% số thôn làng ở các huyện Duy Tiên, Kim Bảng, Thanh Liêm, Bình Lục đã xây dựng xong hương ước. Xã Liêm Tiết, huyện Thanh Liêm; xã Liên Sơn, huyện Kim Bảng; xã Nhân Bình, huyện Lý Nhân; xã Liêm Chính, thị xã Phủ Lý có 100% làng văn hoá. Nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội đã trở thành nền nếp trong nhân dân.

Hoạt động văn hoá - thông tin có bước phát triển mới với hệ thống truyền thanh, truyền hình phủ sóng đến tất cả các địa phương trong tỉnh. Chất lượng của Báo Hà Nam, Tạp chí Sông Châu được nâng lên, tăng thêm số kỳ, số lượng phát hành. Công tác thông tin cổ động có nhiều chuyển biến, đa dạng hơn, chất lượng tốt hơn, chuyển tải có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng đến với nhân dân. Qua các cuộc thi cổ động trực quan, đã giúp cho chất lượng tuyên truyền trực quan ở Trung tâm tỉnh và các huyện, thị xã hiệu quả và hấp dẫn hơn. Trong năm 2005, ngành văn hoá - thông tin tỉnh tham gia 2 chương trình thông tin lưu động dọc tuyến đường Trường Sơn - Tây Nguyên và tham gia liên hoan thông tin lưu động tại thành phố Hồ Chí Minh, tổ chức đi giao lưu văn hoá tại tỉnh Đồng Nai và một số tỉnh phía Nam, chào mừng kỷ niệm 30 năm ngày giải phóng miền Nam 30-4. Phối hợp tổ chức các cuộc thi văn nghệ quần chúng mang chủ đề “Toàn dân phòng chống ma tuý”; “Lái xe giỏi, lái xe an toàn”

y tỉnh (thuộc Sở Y tế), tháng 9-2004 Bệnh viện đông y tỉnh đi vào hoạt động. Hoạt động của Trung tâm đông y - châm cứu và Bệnh viện đông y đã góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của nhân dân.

Mạng lưới y tế cơ sở được quan tâm đầu tư cả về đào tạo đội ngũ và xây dựng cơ sở vật chất. Trong tỉnh có 116 trạm y tế cơ sở được củng cố về đội ngũ. Các trạm đều có đủ cán bộ y tế định biên theo quy định, cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ y tế đảm bảo đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân địa phương. Đến năm 2005, có 62% số trạm y tế có bác sĩ và 35 xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế.

Công tác dân số - gia đình - trẻ em có chuyển biến rõ rệt, chất lượng dân số được cải thiện đáng kể. Tiếp tục triển khai dự án nâng cao chất lượng dân số cộng đồng tại nhiều xã trong tỉnh. Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em của tỉnh đã làm tốt công tác nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hoá gia đình. Một số huyện có nhiều sáng tạo trong việc khắc phục khó khăn về kinh phí để thực hiện tốt các chiến dịch truyền thông lồng ghép tới các xã đạt kết quả cao. Đặc biệt các huyện Duy Tiên, Bình Lục, Thanh Liêm đã chỉ đạo phối hợp triển khai chiến dịch truyền thông với khám bệnh theo dịch vụ chất lượng cao, tạo điều kiện cho người dân được tiếp xúc với các dịch vụ y tế, được chăm sóc sức khỏe; tổ chức nói chuyện chuyên đề về dân số và phát triển cho cán bộ xã, phường, thị trấn. Nhiều cơ sở đưa mô hình lồng ghép chính sách vào hương ước, quy ước của thôn, làng như xã An

Ninh, Trảng An, Mỹ Thọ, La Sơn, An Lão... của huyện Bình Lục. Mô hình dự án tín dụng gia đình được triển khai ở 5 xã của thị xã Phủ Lý và nhân rộng ra 5 xã của huyện Duy Tiên, đem lại hiệu quả thiết thực, hỗ trợ vốn, tạo việc làm cho hộ gia đình, góp phần xoá đói, giảm nghèo, đồng thời nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cặp vợ chồng trong việc thực hiện chính sách về dân số - gia đình và trẻ em. Do vậy, các chỉ tiêu về dân số- gia đình và trẻ em đều đạt và vượt chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra. Đến năm 2005, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đạt 0,94%, vượt mục tiêu Đại hội; trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng còn 22%, đạt mục tiêu Đại hội Đảng bộ lần thứ XVI đề ra.

Tuy vậy, cơ sở vật chất của bệnh viện, trạm xá và chất lượng khám, chữa bệnh chưa đáp ứng yêu cầu của người bệnh. Mục tiêu, hiệu quả phát triển bảo hiểm y tế toàn dân đạt thấp.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đã đề ra nhiệm vụ cho công tác văn hoá - thông tin: Đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá. Tiếp tục xây dựng, phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, khuyến khích tăng cường đầu tư nghiên cứu, sáng tác văn học nghệ thuật, nâng cao mức hưởng thụ văn hoá cho nhân dân. Do vậy, phong trào xây dựng gia đình văn hoá, làng văn hoá, đơn vị văn hoá nhận được sự ủng hộ và tham gia của nhân dân trong tỉnh. Các cấp uỷ Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các ngành, đoàn thể có nhiều biện pháp sáng tạo trong chỉ đạo, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, lâu dài của cuộc

ước, đạt 87% so với tổng số làng trong tỉnh. Đến năm 2005, toàn tỉnh có 475 làng, 397 đơn vị và gần 80% số gia đình đạt tiêu chuẩn văn hoá, có 901 quy ước và hương ước văn hoá. 100% số thôn làng ở các huyện Duy Tiên, Kim Bảng, Thanh Liêm, Bình Lục đã xây dựng xong hương ước. Xã Liêm Tiết, huyện Thanh Liêm; xã Liên Sơn, huyện Kim Bảng; xã Nhân Bình, huyện Lý Nhân; xã Liêm Chính, thị xã Phủ Lý có 100% làng văn hoá. Nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội đã trở thành nền nếp trong nhân dân.

Hoạt động văn hoá - thông tin có bước phát triển mới với hệ thống truyền thanh, truyền hình phủ sóng đến tất cả các địa phương trong tỉnh. Chất lượng của Báo Hà Nam, Tạp chí Sông Châu được nâng lên, tăng thêm số kỳ, số lượng phát hành. Công tác thông tin cổ động có nhiều chuyển biến, đa dạng hơn, chất lượng tốt hơn, chuyển tải có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng đến với nhân dân. Qua các cuộc thi cổ động trực quan, đã giúp cho chất lượng tuyên truyền trực quan ở Trung tâm tỉnh và các huyện, thị xã hiệu quả và hấp dẫn hơn. Trong năm 2005, ngành văn hoá - thông tin tỉnh tham gia 2 chương trình thông tin lưu động dọc tuyến đường Trường Sơn - Tây Nguyên và tham gia liên hoan thông tin lưu động tại thành phố Hồ Chí Minh, tổ chức đi giao lưu văn hoá tại tỉnh Đồng Nai và một số tỉnh phía Nam, chào mừng kỷ niệm 30 năm ngày giải phóng miền Nam 30-4. Phối hợp tổ chức các cuộc thi văn nghệ quần chúng mang chủ đề “Toàn dân phòng chống ma tuý”; “Lái xe giỏi, lái xe an toàn”

trong hoạt động của chương trình quốc gia về an toàn giao thông. Trung tâm văn hoá - thông tin tỉnh, phòng văn hoá thông tin thể thao các huyện, thị xã xây dựng hàng trăm chương trình văn nghệ quần chúng bao gồm các thể loại: kịch thông tin, chèo, ca múa nhạc. Hoạt động của các câu lạc bộ văn hoá nghệ thuật quần chúng với nội dung hấp dẫn cũng góp phần làm phong phú thêm đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân. Vốn văn hoá cổ truyền, các làn điệu dân ca được khai thác và đưa vào biểu diễn. Huyện Kim Bảng có 130 làng, xóm có câu lạc bộ văn hoá - văn nghệ hoạt động có hiệu quả. Huyện Lý Nhân thành lập mới 17 câu lạc bộ văn hoá - văn nghệ. Huyện Bình Lục thành lập mới 30 câu lạc bộ văn hoá văn nghệ, 15 đội văn nghệ quần chúng.

Các hoạt động bảo tồn và phát huy di sản văn hoá được chú trọng vừa đảm bảo duy trì các lễ hội truyền thống, vừa trang trọng, lành mạnh, vừa khơi dậy được truyền thống quê hương. Trong các lễ hội, các trò chơi dân gian được tái hiện như múa lân, rồng, chọi gà, chọi đu, vật truyền thống, đua thuyền, bịt mắt bắt dê, bịt mắt đập niêu...

Năm 2003, quần thể di tích chùa Long Đọi Sơn thuộc xã Đọi Sơn, huyện Duy Tiên được Bộ Văn hoá - Thông tin đầu tư kinh phí tu bổ với tổng kinh phí đầu tư gần 20 tỷ đồng. Năm 2005, dự án bảo tồn văn hoá phi vật thể làng nghề thủ công mỹ nghệ đồ sừng Đô Hai, xã An Lão, huyện Bình Lục được triển khai. Đồng thời, tổ chức thành công liên hoan văn hoá dân gian các di tích tiêu biểu toàn tỉnh lần thứ nhất năm 2005 được dư luận đánh giá cao.

Nhiều di tích lịch sử - văn hoá được quy hoạch tổng thể và được đầu tư trùng tu xây dựng như khu di tích cố nhà văn, liệt sĩ Nam Cao; đình Đồng Lư Trung, xã Chân Lý, huyện Lý Nhân; đình Cháy, đình An Hoà, huyện Thanh Liêm; đình Nhật Tân, huyện Kim Bảng; từ đường Nguyễn Khuyến; đình Triều Hội, xã Bồ Đề, huyện Bình Lục; đình Thịnh Châu Hạ, thị xã Phủ Lý.

Hệ thống thư viện của tỉnh đã làm tốt việc luân chuyển sách, báo từ tỉnh xuống huyện, từ huyện xuống hệ thống Bru điện văn hoá xã và tủ sách pháp luật ở cơ sở. Lý Nhân là đơn vị luôn giữ vững lá cờ đầu về phong trào đọc sách, phát triển hệ thống thư viện xã, tủ sách, phòng đọc ở cơ sở. Phong trào đọc sách trong nhà trường và xây dựng tủ sách làng văn hoá, xây dựng tủ sách gia đình được nhân dân tích cực hưởng ứng. Một số gia đình đã xây dựng được tủ sách có giá trị như gia đình ông Lê Chu Trinh ở thôn Kim Thượng, xã Kim Bình, huyện Kim Bảng; ông Trần Thắng, thầy giáo Đôn ở huyện Duy Tiên.

Hoạt động thể dục, thể thao quần chúng ngày càng trở thành nhu cầu của đông đảo quần chúng nhân dân, trở thành phong trào rộng rãi trong các cơ quan, đơn vị, các địa phương trong tỉnh. Đến năm 2005, có 17,5% dân số tập thể dục, thể thao thường xuyên, 15,5% số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình thể thao. Các môn thể thao thành tích cao, thể thao có ưu thế của địa phương được quan tâm đầu tư, đạt được nhiều huy chương trong các giải thi đấu quốc gia⁽¹⁾. Toàn tỉnh có 1.171 điểm hoạt động thể dục, thể thao,

(1). Báo cáo tổng kết công tác văn hoá thể thao năm (2001-2005), báo cáo tại Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, tr. 31.

trong đó có 67 điểm vui chơi cấp xã, 1.099 điểm vui chơi thôn, làng như sân bóng đá, bóng chuyền, cầu lông.

II. XÂY DỰNG THỂ TRẬN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN VÀ AN NINH NHÂN DÂN

Cùng với những thành tựu của công cuộc đổi mới đất nước, những ảnh hưởng và tác động tiêu cực, mặt trái của cơ chế thị trường làm nảy sinh nhiều phức tạp mới ảnh hưởng đến công tác an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh.

Trong nông thôn, mâu thuẫn, tranh chấp, khiếu kiện có lúc diễn ra phức tạp, có nơi nghiêm trọng, chủ yếu là tranh chấp đất đai, cơ sở thờ tự, tố cáo cán bộ cơ sở vi phạm, đòi lại cơ sở vật chất, đất đai có nguồn gốc tôn giáo, khiếu kiện về đền bù giải phóng mặt bằng các khu, cụm công nghiệp, mở rộng, nâng cấp các tuyến đường giao thông liên quan đến nhiều hộ dân. Tuy những sự việc đó chưa trở thành điểm nóng, nhưng cũng đã gây phức tạp cho trật tự an ninh xã hội.

Bên cạnh đó, các thế lực thù địch và bọn phản động người Việt lưu vong ở nước ngoài bằng nhiều hình thức, thủ đoạn tăng cường chuyển tải các tài liệu, thông tin có nội dung phản động về địa phương nhằm phá hoại tư tưởng, lôi kéo, kích động tạo sự hoài nghi, dao động trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân. Công tác quản lý các hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa, in ấn, xuất bản còn nhiều sơ hở, chưa có biện pháp đồng bộ để ngăn chặn băng, đĩa hình có nội dung xấu xâm nhập.

Các hoạt động tôn giáo ngày một gia tăng, có linh mục có thái độ cực đoan, chống đối có nhiều vi phạm như: cư

trú và làm mục vụ trái phép, dựng tượng và tu sửa nhà thờ không báo cáo xin phép chính quyền, đòi lại đất đai, tài sản không có nguồn gốc tôn giáo. Truyền đạo Tin lành trái phép ở một số nơi thuộc huyện Thanh Liêm, Duy Tiên; đồng thời xuất hiện một số đạo lạ như đạo “Long Hoa Di lặc”, “Đảng cách mạng quần tiên”...

Thực hiện chính sách kinh tế mở cửa, hội nhập, thu hút đầu tư nước ngoài, hàng năm, số người nước ngoài và Việt kiều về tỉnh đông hơn. Có 22 tổ chức phi chính phủ (NGO) đa dạng về thành phần, quốc tịch hoạt động trên địa bàn tỉnh. Nhìn chung hoạt động của người nước ngoài đều chấp hành đúng quy định, nhưng đòi hỏi công tác quản lý khoa học hơn để đáp ứng yêu cầu hội nhập.

Tình hình tội phạm và tệ nạn xã hội diễn biến phức tạp, có mặt gia tăng, tội phạm kinh tế hoạt động với thủ đoạn ngày càng tinh vi. Tiêu cực, tham nhũng, cố ý làm trái pháp luật phát sinh ở nhiều lĩnh vực. Tội phạm ma tuý phát triển nhanh, số người nghiện ma tuý ngày càng tăng, chủ yếu trong lứa tuổi thanh niên...

Trước tình hình đó, để bảo đảm an ninh, giữ gìn trật tự xã hội, Tỉnh uỷ xác định nhiệm vụ bảo đảm an ninh, giữ vững ổn định về chính trị và trật tự an toàn xã hội luôn là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân, là điều kiện để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Hàng năm, Tỉnh uỷ đều ban hành các Nghị quyết chuyên đề về nhiệm vụ an ninh, trật tự. Đồng thời, tiếp tục tổ chức triển khai có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 3

(khoá VII) về nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, chống âm mưu “Diễn biến hoà bình” của địch; Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị (khoá VIII) về nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình hiện nay; Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 (khoá IX) về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Tăng cường giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức rõ âm mưu, thủ đoạn của địch, xác định 4 nguy cơ vẫn tồn tại, 4 mối đe dọa an ninh quốc gia và 7 giải pháp thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh quốc gia trong tình hình mới. Xây dựng cho cán bộ, đảng viên có lập trường quan điểm vững vàng, tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, thống nhất ý chí, hành động trong thực hiện đường lối đổi mới. Từ đó nâng cao một bước tinh thần cảnh giác cách mạng, ý thức trách nhiệm của toàn dân trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự trong tình hình mới.

Đối với an ninh nông thôn, Tỉnh uỷ xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung giải quyết để phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và củng cố các phong trào khác của địa phương, do vậy đã tập trung chỉ đạo ngành công an tăng cường lực lượng, phương tiện, phối hợp với các ngành liên quan và chính quyền cơ sở trực tiếp tiếp xúc với nhân dân, tìm hiểu nguyên nhân và đề xuất các biện pháp, từng bước giải quyết dứt điểm hàng trăm vụ việc, trong đó có 45 vụ việc mâu thuẫn, khiếu kiện kéo dài như ở Đình Xá, huyện Bình Lục; xã Hoà Hậu, Đạo Lý, Hợp Lý, huyện Lý Nhân; Dự án PMU.I ở thị trấn Đồng

Văn, khu vực chùa Cảnh Phúc, Ninh Lão, Hoàng Đông, huyện Duy Tiên; thôn Trung Hiếu - xã Đại Vượng, xã Liêm Cần, huyện Thanh Liêm... Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên chủ trì các hội nghị chuyên đề để phân tích, đánh giá công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân, kịp thời giải quyết những việc khiếu kiện phức tạp tồn đọng, kiên quyết xử lý những sai phạm của cán bộ, đảng viên và những phần tử quá khích kích động quần chúng khiếu kiện vi phạm pháp luật.

Các vụ việc phức tạp, kéo dài như giải quyết đền bù giải phóng mặt bằng Quốc lộ 21A, đoạn đi qua xã Liêm Chung, khu công nghiệp khu vực xã Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thị xã Phủ Lý; khu công nghiệp Đông Văn, cụm công nghiệp Hoàng Đông, huyện Duy Tiên... Thường trực Tỉnh uỷ và một số đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã trực tiếp dự sinh hoạt với chi bộ, xuống hiện trường nghiên cứu tình hình, đối thoại với công dân khiếu kiện để có chủ trương giải quyết đúng đắn. Vì vậy, tình hình mâu thuẫn, khiếu kiện trong nội bộ nhân dân đã được giải quyết và từng bước ổn định, không phát sinh điểm nóng và hạn chế vụ việc mới phát sinh.

Thực hiện Nghị quyết số 09/CP của Chính phủ và chương trình quốc gia phòng chống tội phạm; chương trình phòng chống ma tuý, mại dâm giai đoạn (2001-2005), chương trình hành động phòng chống buôn bán phụ nữ và trẻ em, Nghị quyết số 14-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, Chỉ thị số 853/TTg của Thủ tướng Chính phủ về đấu tranh chống buôn

lậu và gian lận thương mại, Đảng bộ tập trung cao độ vào những địa bàn trọng điểm, lĩnh vực xuất nhập khẩu, hoàn thuế giá trị gia tăng (VAT)... Trong 5 năm đã phát hiện 71 vụ xâm phạm tài sản Nhà nước, khởi tố, đấu tranh 34 vụ, 84 bị can, thu hồi tài sản gần 3 tỷ đồng. Phát hiện 294 vụ, 340 đối tượng buôn lậu, trốn thuế, chuyển cho ngành chức năng truy thu gần 2 tỷ đồng.

Công tác đấu tranh phòng chống tội phạm hình sự, ma tuý và tệ nạn xã hội được triển khai quyết liệt. Ngành chức năng đã chỉ đạo tăng cường tuần tra, kiểm soát các tuyến, địa bàn trọng điểm, quản lý chặt chẽ các đối tượng có tiền án, tiền sự, số đối tượng vừa chấp hành án trở về. Đưa 505 đối tượng đi các cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng và chữa bệnh bắt buộc. Quản lý, giáo dục tại cộng đồng 1.416 đối tượng. Bắt và vận động ra đầu thú 378 đối tượng có lệnh truy nã và trốn thi hành án, trong đó có 98 đối tượng nguy hiểm và đặc biệt nguy hiểm. Thường xuyên mở các đợt cao điểm phát động quần chúng tấn công trấn áp tội phạm với quy mô thích hợp để giải quyết những vấn đề nổi lên về trật tự xã hội. Tập trung đấu tranh với các băng, ổ nhóm tội phạm ở các tuyến, địa bàn trọng điểm, do vậy tội phạm đã giảm bình quân hàng năm 3,26%, so với chỉ tiêu. Từ năm (2000-2005), ngành chức năng đã điều tra giải quyết 1.061/1.616 vụ phạm pháp hình sự xảy ra trên địa bàn tỉnh, đạt 65,65% kế hoạch, trong đó có 208 vụ án nghiêm trọng, vượt 4% so với kế hoạch.

Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc tiếp tục được đẩy mạnh ở cả 3 khu vực: nông thôn, cơ quan -

doanh nghiệp, trường học. Đồng thời tập trung phát động phong trào ở những nơi phức tạp về an ninh trật tự, có tranh chấp, khiếu kiện. Phong trào đã phát huy tác dụng thiết thực trong việc giải quyết ổn định tình hình, trong đó nhiều phong trào đã phát huy tác dụng tốt được Bộ Công an nghiên cứu chỉ đạo nhân rộng ra các địa phương trong cả nước như phong trào xây dựng khu dân cư, cơ quan, doanh nghiệp không có tội phạm và tệ nạn xã hội; phong trào an toàn trường học... Đến năm 2004, đã có 786/1.143 khu dân cư, cơ quan - doanh nghiệp không có tội phạm và tệ nạn xã hội, đạt 68,8%.

Với những cố gắng nỗ lực của Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh, công tác đảm bảo an ninh, trật tự của địa phương đã duy trì ổn định an ninh chính trị, từng bước tạo chuyển biến tích cực về trật tự an toàn xã hội, không để xảy ra tình huống đột xuất, bất ngờ, tạo môi trường thuận lợi cho việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, công tác bảo vệ an ninh trật tự còn một số yếu kém cần được khắc phục. Công tác nắm tình hình chưa sâu, chưa toàn diện, không nắm bắt và dự báo kịp thời ở một số lĩnh vực, nhất là an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo và hoạt động tội phạm. Chưa quan tâm đúng mức việc kết hợp phòng ngừa nghiệp vụ với phòng ngừa xã hội trong công tác phòng ngừa tội phạm. Chất lượng của phong trào quần chúng trong bảo vệ an ninh Tổ quốc ở những địa bàn phức tạp về an ninh còn hạn chế.

Trong lĩnh vực tôn giáo, thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị *Về công tác tôn giáo*, Nghị định số 69, 26/CP của Chính phủ *Về hoạt động tôn giáo*, Chỉ

thị số 37-CT/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết Trung ương 7 (khoá IX) *Về công tác tôn giáo*, ngày 24-02-2003, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ban hành Chỉ thị số 07-CT/TU *Về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng đối với công tác tôn giáo trong tình hình mới; xây dựng quy chế hoạt động tôn giáo, đưa hoạt động tôn giáo từng bước đi vào nề nếp, tuân thủ pháp luật. Quan tâm chỉ đạo củng cố cơ sở chính trị vùng giáo, đẩy mạnh phát triển hạ tầng, phát triển sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân.*

Các ngành chức năng và chính quyền cơ sở thực hiện tốt chức năng quản lý Nhà nước về hoạt động tôn giáo, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong các cơ sở tôn giáo; giải quyết các vụ tranh chấp đất đai, tài sản có nguồn gốc tôn giáo, đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả các hoạt động truyền đạo trái pháp luật.

Công tác quốc phòng, nội chính được các cấp uỷ Đảng thường xuyên quan tâm lãnh đạo trong việc triển khai thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, cụ thể hoá thành nghị quyết của cấp uỷ về công tác quốc phòng ở địa phương. Công tác tuyên truyền được thực hiện khá tốt ở các cấp, các ngành với nội dung và nhiều hình thức phong phú. Nhận thức của toàn dân và lực lượng vũ trang về nhiệm vụ quốc phòng trong giai đoạn mới, về âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch chống phá cách mạng nước ta bằng chiến lược “diễn biến hoà bình”, “bạo loạn lật đổ” được nâng lên rõ rệt. Công tác chăm lo xây dựng, củng cố sự nghiệp quốc phòng và xây dựng lực lượng vũ trang địa phương của toàn dân có bước phát triển mạnh.

Đảng bộ đã tập trung chỉ đạo xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, gắn thể trận quốc phòng toàn dân với thể trận an ninh nhân dân, xây dựng tỉnh thành khu vực phòng thủ vững chắc, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Năm 2004, tổng kết 15 năm xây dựng tỉnh Hà Nam thành khu vực phòng thủ vững chắc theo tinh thần Chỉ thị 56/HĐBT, ngày 11/03/1989 của Hội đồng Bộ trưởng, được Bộ Quốc phòng và Quân khu 3 đánh giá là tỉnh đạt chất lượng tốt. Công tác huấn luyện diễn tập lực lượng dự bị động viên, dân quân, tự vệ được chỉ đạo chặt chẽ, tổ chức tốt các cuộc diễn tập quốc phòng - an ninh. Năm 2001, diễn tập chỉ huy cơ quan 1 bên 2 cấp trên bản đồ có thực hành động viên quân dự bị do Quân khu chỉ đạo. Đã bàn giao cho Trung đoàn 583, Sư đoàn 350 một tiểu đoàn dự bị động viên tại huyện Lý Nhân để tham gia diễn tập. Kết quả đợt diễn tập này, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh được Bộ Tư lệnh Quân khu và Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen. Năm 2003, tỉnh chỉ đạo huyện Duy Tiên diễn tập phòng chống lụt bão cứu hộ cứu nạn, huy động 2 đại đội dự bị động viên thuộc tiểu đoàn dự bị động viên huyện Duy Tiên tham gia; chỉ đạo Sở Y tế diễn tập động viên bệnh viện dã chiến, huy động 120 quân nhân dự bị của thị xã Phủ Lý thực binh. Năm 2004, tổ chức diễn tập vận hành cơ chế theo phương án A2, A4 ở huyện Kim Bảng; diễn tập phương án tác chiến phòng thủ ở Bưu điện tỉnh; diễn tập quốc phòng, an ninh ở 15 xã, thị trấn trong tỉnh; diễn tập tự vệ